

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**NGUYỄN THỊ THÚY HẠNH**

**TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN THEO PHÁP LUẬT  
HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN QUẬN ĐÔNG ĐÀ,  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Chuyên ngành:* Luật hình sự và tố tụng hình sự

*Mã số* : 60.38.01.04

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. Phạm Văn Tĩnh**

**HÀ NỘI, 2016**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

**Tác giả luận văn**

**Nguyễn Thị Thúy Hạnh**

## MỤC LỤC

MỞ ĐẦU .....	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM .....	7
1.1. Những vấn đề lý luận về tội trộm cắp tài sản .....	7
1.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội trộm cắp tài sản .....	14
CHƯƠNG 2. THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN ĐÔNG ĐA – THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....	40
2.1. Định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản.....	40
2.2. Quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản.....	55
CHƯƠNG 3. CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN.....	64
3.1. Hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản .....	64
3.2. Tăng cường hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản .	70
3.3. Tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản .....	73
3.4. Nâng cao năng lực của các chủ thể áp dụng pháp luật về tội trộm cắp tài sản .....	75
KẾT LUẬN.....	78
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	80

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLDS	Bộ luật dân sự
BLHS	Bộ luật hình sự
TAND	Toà án nhân dân
TANDTC	Toà án nhân dân tối cao
TNHS	Trách nhiệm hình sự
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Đống Đa là một trong những quận lâu đời của thủ đô, có trình độ phát kinh tế - xã hội cao, nằm ở phía Tây Nam của Thành phố Hà Nội. Quận có diện tích khoảng 9,95 km<sup>2</sup>, gồm 21 phường với dân số trên 400.110 người, mật độ dân số trên 41.176 người /km<sup>2</sup>, thu nhập bình quân đầu người ở mức cao so với cả nước, ước tính khoảng 100 triệu đồng/năm [15]. Bên cạnh những thuận lợi về kinh tế - xã hội cũng như hạ tầng kỹ thuật, sự phát triển và năng động của quận Đống Đa cũng là điều kiện để tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội có những đặc điểm phức tạp cả về mức độ và tính chất, được biểu hiện tập trung ở tình hình tội phạm, trong đó có tình hình các tội xâm phạm sở hữu nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng.

Theo kết quả nghiên cứu tội phạm học trên địa bàn quận Đống Đa nhiều năm qua cho thấy, mức độ của tình hình tội phạm trên địa bàn quận chiếm tỷ lệ bình quân là trên 10% về số vụ và gần 8% về số bị cáo trong tình hình tội phạm của TP. Hà nội, trong đó tội trộm cắp tài sản luôn luôn chiếm tỷ lệ trung bình trên 16% về số bị cáo [10, tr.17 -18]. Con số thống kê xét xử của TAND quận Đống Đa trong 5 năm qua, từ 2011- 2015 cũng cho thấy có đến 547 vụ với 675 bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản.

Như vậy, thực tiễn tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn quận Đống Đa như đã nêu trên cho thấy rõ nhu cầu phải tiếp tục tăng cường đấu tranh với tội trộm cắp tài sản, đặc biệt trong tình hình hiện nay khi Chỉ thị của Đảng, cũng như mong đợi của mọi người dân là phải ngăn chặn và đẩy lùi tội phạm khỏi đời sống xã hội. Để thực hiện nhu cầu này, cả khoa học và thực tế đã chỉ ra rằng, có hai hướng đấu tranh: một là đấu tranh bằng pháp luật hình sự mà nhiệm vụ trọng tâm (mục đích) là hoàn thiện bản thân những quy định của pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản, cũng như áp dụng đúng những quy định đó khi có tội trộm cắp tài sản xảy ra và hai là đấu tranh bằng các biện pháp phòng ngừa, tức là sử

dụng triệt để kết quả nghiên cứu tội phạm học. Cả hai hướng đấu tranh này đều cần thiết và trong những năm qua đã có nhiều công trình nghiên cứu tội phạm học đối với tình hình tội phạm nói chung và tình hình tội trộm cắp tài sản nói riêng mà kết quả đạt được của những công trình đó tạo ra cơ sở rất phù hợp để triển khai thực hiện theo hướng còn lại, tức là hướng đấu tranh chống tội trộm cắp tài sản bằng pháp luật hình sự. Hơn nữa, tình hình xét xử 547 vụ với 675 bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản do TAND quận Đống Đa tiến hành những năm qua cũng cho thấy còn có những vấn đề vướng mắc về pháp luật và áp dụng pháp luật hình sự, cần phải được đánh giá, nghiên cứu.

Với cách nhìn nhận như vậy, đề tài “ *Tội Trộm cắp tài sản theo pháp luật Hình sự Việt Nam từ thực tiễn Quận Đống Đa – Thành phố Hà Nội*” đã được chọn lựa để nghiên cứu.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

### **2.1. Tình hình nghiên cứu lý luận**

Để có cơ sở lý luận cho việc thực hiện đề tài Luận văn, các công trình khoa học sau đây đã được nghiên cứu và tham khảo:

- “*Tội phạm học, Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự Việt Nam*” Nxb Chính trị quốc gia, 1994;
- “*Giáo trình luật hình sự Việt nam - phần các tội phạm*” (2008), GS.TS.Võ Khánh Vinh, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
- “*Lý luận chung về định tội danh*” (2013), GS.TS.Võ Khánh Vinh, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;
- “*Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần chung*” (2014), GS.TS.Võ Khánh Vinh, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;
- “*Giáo trình luật hình sự Việt Nam- Chương XX: Các tội xâm phạm sở hữu*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân (2010) do GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên;

- *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự Phần các tội phạm - Phần thứ II: Các tội phạm cụ thể*, tập II, Nxb tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh (2006) của Thạc sĩ

Đình Văn Quế;

- *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 (Phần các tội phạm) - Chương IV: Các tội xâm phạm sở hữu*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội do PGS.TS Phùng Thế Vắc chủ biên (2001);

- *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm) - Chương IV: Các tội xâm phạm sở hữu*, PGS.TS. Cao Thị Oanh, Nxb Giáo dục (2010);

- *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)* do GS.TS. Võ Khánh Vinh chủ biên, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội (2001);

- *Bình luận Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã sửa đổi, bổ sung năm 2009*, ThS. Đình Thế Hưng - ThS. Trần Văn Biên - Viện Nhà nước và pháp luật - *Chương XIV: Các tội xâm phạm sở hữu*, Nxb Lao động (2010).

## **2.2. Tình hình nghiên cứu thực tiễn**

Để phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện đề tài, những công trình khoa học sau đây về tội trộm cắp tài sản được tác giả tham khảo:

- Dương Văn Hưng, *Tội trộm cắp tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên*, Luận văn thạc sĩ luật học, 2014, HVKHXH;

- Nguyễn Trung Hiếu, *Tội phạm trên địa bàn quận Đống Đa, thành phố Hà Nội: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*, Luận văn thạc sĩ luật học, 2015, HVKHXH;

- Hoàng Văn Hùng, *Đấu tranh phòng, chống tội trộm cắp tài sản ở nước ta hiện nay*, Luận án tiến sĩ luật học, 2007, Đại học Luật Hà nội;

Ngoài ra, các công trình ở dạng bài tạp chí có liên quan đến đề tài còn phải nói đến gồm: Đỗ Văn Chính (2004), *Xác định tội trộm cắp tài sản đối với người lắp đặt thiết bị thu phát viễn thông để thu lợi bất chính là có căn cứ*, Tạp

chí TAND số 10 năm 2004; Thạch Thị Bích Hợp (2003), *Xác định mối tương quan giữa định tính và định lượng trong luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 3 năm 2003; Lê Thuý Phượng (1999), *Vấn đề định lượng tài sản bị chiếm đoạt trong BLHS 1999*, Tạp chí TAND số 3 năm 1999; Lê Thị Sơn (2004), *Về dấu hiệu định lượng trong BLHS*, Tạp chí Luật học số 1 năm 2005; Trần Hữu Ứng (1998), *Một số khó khăn vướng mắc trong điều tra xử lý các vụ án có yếu tố chiếm đoạt và giải pháp khắc phục*, Tạp chí TAND số 12 năm 1998; Hoàng Văn Hùng (2006) *Các tội xâm phạm sở hữu trong Hoàng Việt luật lệ*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường “*Tội phạm và Hình phạt trong Hoàng Việt luật lệ*” Chủ nhiệm: TS. Trương Quang Vinh bảo vệ ngày 26 tháng 5 năm 2006; Hoàng Văn Hùng (2005) *Tội trộm cắp tài sản trong Bộ luật Hình Đức*, Tạp chí Luật học số 5 năm 2005; Hoàng Văn Hùng (2006) *Đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản theo luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Luật học số 7 năm 2006; Trần Mạnh Hà, *Định tội danh tội “Trộm cắp tài sản” qua một số dấu hiệu đặc trưng*, Tạp chí Nghề luật số 5/2006; Nguyễn Văn Trượng, 2008, *Một số vấn đề cần hoàn thiện đối với tội trộm cắp tài sản*, Tạp chí TAND số 4, tháng 2/2008.. v.v...

Các công trình nghiên cứu, bài viết đã nêu trên rất có giá trị tham khảo và kế thừa để đề tài thực hiện những nhiệm vụ của mình.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, pháp luật và phân tích thực tiễn áp dụng về tội trộm cắp tài sản trên địa bàn Quận Đống Đa giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015, đề tài phải có kiến nghị về hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự, cũng như kiến nghị giải pháp áp dụng quy định của pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản, một cách phù hợp hơn.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**



Để đạt được mục đích trên, luận văn giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

- Thứ nhất, tìm hiểu vấn đề lý luận và pháp luật về tội trộm cắp tài sản;
- Thứ hai, tìm hiểu thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản trên địa bàn quận Đống Đa - thành phố Hà Nội từ năm 2011 – 2015;
- Thứ ba, kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự và giải pháp bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

##### ***4.1. Đối tượng nghiên cứu***

Trên cơ sở thực tiễn pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn quận Đống Đa giai đoạn từ 2011 – 2015, luận văn xác định và luận giải sự phù hợp hoặc chưa phù hợp giữa quy định của pháp luật hình sự và thực tế thực hiện hành vi của người phạm tội trộm cắp tài sản.

##### ***4.2. Phạm vi nghiên cứu***

Về nội dung, đề tài được thực hiện trong phạm vi chuyên ngành Luật hình sự và Tố tụng hình sự;

Về địa bàn, đề tài được thực hiện trong phạm vi quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;

Về thời gian, đề tài nghiên cứu số liệu thực tế trong giai đoạn từ năm 2011 đến 2015, gồm số liệu thống kê của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và 50 bản án hình sự sơ thẩm.

#### **5. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu**

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ta về đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Trong quá trình thực hiện đề tài, luận văn áp dụng các phương pháp nghiên cứu đặc trưng của chuyên ngành Luật hình sự và Tố tụng hình sự như:

phương pháp lịch sử; so sánh, kể cả luật so sánh; tổng kết thực tiễn; phân tích và phân tích quy phạm; thống kê; tổng hợp; kế thừa...

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

*Về mặt lý luận:* Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần hoàn thiện pháp luật cũng như hoàn thiện lý luận về tội trộm cắp tài sản trong khoa học luật hình sự Việt Nam. Đồng thời luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong công tác nghiên cứu khoa học, đào tạo luật.

*Về mặt thực tiễn:* Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được sử dụng trong thực tiễn chỉ đạo và tiến hành hoạt động áp dụng pháp luật, đặc biệt là nâng cao hiệu quả của công tác xét xử của Tòa án, khi giải quyết các vụ án trộm cắp tài sản trên địa bàn quận Đống Đa.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

**Chương 1:** Những vấn đề lý luận và pháp luật về tội trộm cắp tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam.

**Chương 2:** Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành về tội trộm cắp tài sản trên địa bàn quận Đống Đa – thành phố Hà Nội.

**Chương 3:** Các biện pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản.

## **Chương 1**

### **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

#### **1.1. Những vấn đề lý luận về tội trộm cắp tài sản**

##### ***1.1.1. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội trộm cắp tài sản***

###### ***1.1.1.1. Khái niệm tội trộm cắp tài sản***

Trong khoa học luật hình sự, tội phạm và nội dung của khái niệm tội phạm là những vấn đề quan trọng nhất, nó phản ánh rõ nét và đầy đủ bản chất giai cấp, các đặc điểm chính trị - xã hội, cũng như những đặc điểm pháp lý của luật hình sự quốc gia, đồng thời, nó còn "được xem như là điều kiện cần thiết có tính nguyên tắc để giới hạn giữa tội phạm và không phải là tội phạm, giữa trách nhiệm hình sự và những trách nhiệm pháp lý khác..." [14, tr.9].

Theo pháp luật hình sự hiện hành ở nước ta, khái niệm tội phạm được các nhà làm luật ghi nhận trong Điều 8 BLHS Việt Nam năm 1999. Theo đó, tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, do người có năng lực TNHS thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Do đó, khái niệm một tội phạm cụ thể - tội trộm cắp tài sản, chính là sự cụ thể hóa khái niệm tội phạm (chung) đã nêu ở trên.

Trên cơ sở tổng kết các quan điểm khác nhau trong khoa học và căn cứ vào các quy định của BLHS năm hiện hành, khái niệm tội trộm cắp tài sản được định nghĩa như sau:

*Tội trộm cắp tài sản là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, được thực hiện bởi người có năng lực TNHS và đủ tuổi chịu TNHS thực hiện một cách cố ý, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản.*

#### *1.1.1.2. Các yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản*

##### *a) Khách thể của tội trộm cắp tài sản*

"Khách thể của tội phạm là quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ tránh khỏi sự xâm hại có tính chất tội phạm, nhưng bị tội phạm xâm hại đến và gây nên (hoặc đe dọa thực tế gây nên) thiệt hại đáng kể nhất định" [7, tr.349]. Khách thể của tội trộm cắp tài sản là quan hệ sở hữu. Sau khi đã chiếm đoạt được tài sản, người phạm tội bị đuổi bắt mà có hành vi chống trả để tẩu thoát, gây chết người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì tùy từng trường hợp cụ thể mà người phạm tội còn phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội giết người hoặc tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

##### *b) Mặt khách quan của tội trộm cắp tài sản*

Mặt khách quan của một tội phạm bao gồm hành vi nguy hiểm cho xã hội, hậu quả của tội phạm nếu điều luật quy định và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi nguy hiểm cho xã hội và hậu quả của tội phạm.

##### *\* Về hành vi phạm tội*

Do đặc điểm của tội trộm cắp tài sản, nên người phạm tội chỉ có một hành vi khách quan duy nhất là "chiếm đoạt", nhưng chiếm đoạt bằng hình thức lén lút. Đặc trưng lén lút của hành vi chiếm đoạt trong tội trộm cắp tài sản cũng chỉ đòi hỏi phải có trong ý thức của người phạm tội. Nếu người phạm tội mong muốn che giấu hành vi bất hợp pháp của mình nhưng trong thực tế lại không che giấu được thì vẫn bị coi là phạm tội trộm cắp tài sản. "Lén lút chiếm đoạt tức là cố ý thức che giấu hành vi chiếm đoạt đối với người quản lý tài sản... Đối với

người xung quanh nơi để tài sản, thông thường kẻ trộm cũng muốn che giấu hành vi để tránh việc phát hiện hoặc chỉ che giấu tính chất phi pháp của hành vi... nhưng điều này không ảnh hưởng đến việc định tội. Điều quan trọng là xác định được ý thức che giấu đối với chính người có trách nhiệm quản lý tài sản, dù rằng trên thực tế không che giấu được” [30, tr.176].

*\* Về đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản:*

Để gây thiệt hại đến các quyền sở hữu về tài sản, người phạm tội trộm cắp tài sản phải tác động đến tài sản của người chủ sở hữu. Theo luật dân sự Việt Nam, tài sản có nhiều hình thức khác nhau. Điều 163 BLDS Việt Nam 2005 quy định: “Tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản”. Vật là một bộ phận của thế giới vật chất có thể đáp ứng một nhu cầu nhất định của con người, tồn tại dưới một dạng nhất định, nằm trong sự chiếm hữu của con người, có đặc trưng giá trị và trở thành đối tượng của giao lưu dân sự. Vật là một hình thức tài sản và có thể trở thành đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản. Khi là đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản, vật phải nằm trong sự chiếm hữu của con người. Đối với trường hợp người chủ sở hữu chủ động từ bỏ quyền sở hữu của mình và dịch chuyển tài sản ra khỏi phạm vi quản lý, thì tài sản này được coi là tài sản vô chủ, hành vi lấy đi loại tài sản này không bị coi là phạm tội trộm cắp tài sản.

Tài sản là đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản còn có thể là tiền, các loại giấy tờ trị giá được bằng tiền. Tiền bao gồm tiền Việt Nam và tiền nước ngoài. Ngoài tính chất là tài sản của người khác, tài sản bị chiếm đoạt trong tội trộm cắp tài sản phải là tài sản còn nằm trong sự chiếm hữu của người chủ. Nằm trong sự chiếm hữu của người chủ có nghĩa là tài sản này đang chịu sự chi phối về mặt thực tế của người chủ tài sản hoặc người quản lý tài sản. Người chủ tài sản có thể thực hiện các quyền sở hữu về tài sản như sử dụng, định đoạt tài sản... hoặc tài sản đang được cất giữ, bảo quản tại địa điểm nhất định.

Tuy nhiên đối với đối tượng đặc biệt tồn tại ở dạng thông tin, nhất là các sản phẩm công nghệ cao, các phần mềm, tài khoản truy cập mạng v.v...hiện còn có nhiều quan điểm khác nhau: quan điểm thứ nhất cho rằng, hành vi trộm các tài sản tồn tại ở dạng thông tin, tài khoản công nghệ cao không phạm tội trộm cắp tài sản vì đối tượng tác động trong trường hợp này là một dạng thông tin lưu thông trong các phương tiện máy móc và không thể coi thông tin là tài sản. Vì lý do trên, người có quan điểm này cho rằng hành vi trộm các dạng sản phẩm công nghệ cao (không tồn tại ở dạng vật chất cụ thể) phải bị xử lý về các tội liên quan đến các tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông. Quan điểm thứ hai cho rằng, hành vi trộm các dạng sản phẩm công nghệ cao cấu thành tội trộm cắp tài sản vì thông tin công nghệ cao có thể trở thành đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản.

Chúng tôi đồng tình với quan điểm thứ hai, vì theo Điều 163 BLDS Việt Nam năm 2005, thì tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản. Sản phẩm công nghệ cao phải được coi là một dạng đặc thù của vật theo quy định trên, hơn nữa là đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ - tức quyền tài sản. Hành vi trộm các dạng sản phẩm công nghệ cao trên xâm phạm tới quyền sở hữu trí tuệ của chủ sở hữu. Người phạm tội đã lén lút lấy đi thông tin và sử dụng cho mục đích cá nhân. Tài sản này đang nằm trong sự sở hữu của người khác. Vì thế hành vi lén lút trộm các dạng sản phẩm công nghệ cao là một dạng đặc thù của tội trộm cắp tài sản.

#### *\* Về hậu quả*

Hậu quả của tội trộm cắp tài sản cũng là thiệt hại về tài sản mà cụ thể là giá trị tài sản bị chiếm đoạt. Nói chung, tài sản bị chiếm đoạt do hành vi trộm cắp gây ra là tiền các loại, hàng hoá và các giấy tờ có giá trị thanh toán như phiếu công trái, ngân phiếu v.v... Theo luật hiện hành, giá trị tài sản bị chiếm đoạt từ 2.000.000 đồng trở lên mới cấu thành tội phạm, còn nếu tài sản bị chiếm đoạt

dưới 2.000.000 đồng thì phải kèm theo điều kiện gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm.

*c) Chủ thể của tội trộm cắp tài sản*

"Chủ thể của tội phạm là con người cụ thể, có năng lực TNHS và đủ độ tuổi theo quy định của pháp luật. Ngoài ra chủ thể của tội phạm có thể có thêm dấu hiệu mang tính chất tùy nghi, đó là các chủ thể đặc biệt trong một số tội quy định tại phần các tội phạm của Bộ luật hình sự" [7, tr.345]. Đối với tội trộm cắp tài sản, chủ thể của tội phạm cũng tương tự như đối với tội xâm phạm sở hữu khác. Tuy nhiên, người phạm tội từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản nếu phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

*d) Mặt chủ quan của tội trộm cắp tài sản*

Cũng như đối với tội có tính chất chiếm đoạt khác, tội trộm cắp tài sản cũng được thực hiện do cố ý. Người phạm tội mong muốn cho hậu quả xảy ra, người phạm tội mong muốn có được tài sản của người khác để thoả mãn những nhu cầu của bản thân hoặc của bất kỳ người nào mà người phạm tội quan tâm [38, tr.11]. Mục đích của người phạm tội là mong muốn chiếm đoạt được tài sản.

Mục đích chiếm đoạt tài sản của người phạm tội bao giờ cũng có trước khi thực hiện hành vi chiếm đoạt sản. Vì vậy, có thể nói mục đích chiếm đoạt tài sản là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, ngoài mục đích chiếm đoạt, người phạm tội còn có thể có những mục đích khác cùng với mục đích chiếm đoạt hoặc chấp nhận mục đích chiếm đoạt của người đồng phạm khác thì người phạm tội cũng chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản, nếu mục đích đó không cấu thành một tội phạm độc lập.

### ***1.1.2. Phân biệt tội trộm cắp tài sản với một số tội chiếm đoạt tài sản khác***

#### ***1.1.2.1. Phân biệt tội trộm cắp tài sản với tội công nhiên chiếm đoạt tài sản***

Tội trộm cắp tài sản và tội công nhiên chiếm đoạt tài sản có nhiều dấu hiệu giống nhau như xâm phạm đến quan hệ sở hữu tài sản, có cấu thành vật chất, điều luật quy định mức tối thiểu giá trị tài sản bị chiếm đoạt làm cơ sở truy cứu TNHS... Trong đó, công nhiên chiếm đoạt tài sản là hành vi công khai, ngang nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác bằng cách lợi dụng tình trạng họ không có điều kiện bảo vệ tài sản của mình.

Như vậy, có thể thấy điểm khác biệt cơ bản nhất là về hành vi khách quan của tội phạm. Hành vi khách quan của tội trộm cắp tài sản là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, còn hành vi khách quan của tội công nhiên chiếm đoạt tài sản là hành vi công khai, ngang nhiên chiếm đoạt tài sản ngay trước sự chứng kiến của chủ tài sản. Về nhận thức chủ quan của chủ tài sản, ở tội trộm cắp tài sản, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản được thực hiện bằng khả năng không cho phép chủ tài sản biết khi xảy ra hành vi phạm tội, trước khi xảy ra hành vi phạm tội thì tài sản vẫn đang trong sự kiểm soát của chủ tài sản nhưng khi xảy ra hành vi phạm tội chủ tài sản không hề biết tài sản của mình bị chiếm đoạt, chỉ sau khi mất tài sản chủ tài sản mới biết; còn ở tội công nhiên chiếm đoạt tài sản, khi có hành vi chiếm đoạt tài sản chủ tài sản vẫn nhận biết được có hành vi chiếm đoạt nhưng do họ không có điều kiện bảo vệ tài sản của mình nên người phạm tội mới ngang nhiên chiếm đoạt tài sản mà không cần dùng bất kì thủ đoạn nào để đối phó với chủ tài sản.

#### ***1.1.2.2. Phân biệt tội trộm cắp tài sản với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản***

Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác bằng thủ đoạn gian dối.



Giữa hai tội phạm trên, có thể thấy điểm khác biệt cơ bản là hành vi khách quan của tội phạm. Hành vi khách quan của tội trộm cắp tài sản là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, còn hành vi khách quan của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là hành vi chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn gian dối, “gian dối” được hiểu là đưa ra những thông tin mình biết rõ không phải là sự thật làm cho chủ tài sản tin đó là sự thật, vì tin vào thông tin giả dối đó nên chủ tài sản mới giao tài sản cho người phạm tội. Như vậy, đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thì chủ tài sản hoặc người quản lý tài sản hoàn toàn chủ động trong việc giao tài sản cho người phạm tội, mặc dù không biết đó là thủ đoạn chiếm đoạt. Thủ đoạn gian dối là một dấu hiệu đặc trưng của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, xuất hiện trước khi thực hiện hành vi phạm tội, là tiền đề cần thiết để thực hiện việc chiếm đoạt, nếu không có sự gian dối thì người phạm tội không thể thực hiện được việc chiếm đoạt và ngược lại hành vi chiếm đoạt là kết quả của việc thực hiện thủ đoạn gian dối. Trong khi đó, trộm cắp tài sản là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, chủ tài sản không hề biết mình bị chiếm đoạt tài sản. Nhưng trong thực tế, hành vi phạm tội không chỉ diễn ra đơn thuần như vậy, có trường hợp người phạm tội cũng dùng những thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản nhưng không phải là lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà là trộm cắp tài sản, đó là trường hợp người phạm tội sử dụng thủ đoạn gian dối chỉ là để dễ tiếp cận với tài sản, tạo thuận lợi hơn cho việc thực hiện tội phạm một cách lén lút (ví dụ: người phạm tội giả vờ mình là thanh tra leo lên xe để kiểm tra hành chính rồi chờ lúc chủ xe không để ý sẽ lấy trộm tài sản), còn ở tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thủ đoạn gian dối là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm, không có thủ đoạn gian dối thì người phạm tội không thể chiếm giữ và sau đó chiếm đoạt được tài sản.

### *1.1.2.3. Phân biệt tội trộm cắp tài sản với tội cướp giật tài sản*

Tội cướp giật tài sản là hành vi nhanh chóng, công khai chiếm đoạt tài sản và nhanh chóng lẩn tránh.

Trước hết là về khách thể của tội phạm: khách thể của tội trộm cắp tài sản là quan hệ sở hữu tài sản, còn khách thể của tội cướp giật tài sản bao gồm cả quan hệ sở hữu tài sản và quan hệ nhân thân.

Mặt khách quan của tội phạm ở hai tội cũng khác nhau: hành vi khách quan của tội trộm cắp tài sản là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản còn ở tội cướp giật tài sản là hành vi công khai, nhanh chóng chiếm đoạt tài sản rồi nhanh chóng lẩn tránh, dấu hiệu công khai, nhanh chóng là dấu hiệu đặc trưng: công khai thể hiện ở chỗ hành vi chiếm đoạt được thực hiện trước sự chứng kiến của chủ tài sản, khi có hành vi cướp giật tài sản chủ tài sản biết tài sản của mình bị chiếm đoạt, nhanh chóng thể hiện ở chỗ người phạm tội lợi dụng sơ hở của chủ tài sản nhanh chóng tiếp cận nhanh chóng chiếm đoạt rồi nhanh chóng lẩn tránh (thường là nhanh chóng tẩu thoát), với thủ đoạn nhanh chóng chiếm đoạt tài sản người phạm tội mong muốn chủ tài sản không kịp có điều kiện ngăn cản việc chiếm đoạt tài sản nên không có ý định dùng bất kì thủ đoạn nào để đối phó với chủ tài sản. Hơn nữa, đối với tội trộm cắp tài sản, dấu hiệu hậu quả nguy hiểm là thiệt hại tài sản được quy định là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm, điều luật quy định mức tối thiểu giá trị tài sản bị chiếm đoạt làm cơ sở truy cứu TNHS còn ở tội cướp giật tài sản, do tính chất nguy hiểm cao của tội phạm nên dấu hiệu hậu quả không được phản ánh trong cấu thành tội phạm điều luật không quy định mức tối thiểu giá trị tài sản bị chiếm đoạt mà chỉ cần có hành vi cướp giật là phạm tội không kể tài sản có giá trị bao nhiêu.

## **1.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội trộm cắp tài sản**

### ***1.2.1. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội trộm cắp tài sản***

#### ***1.2.1.1. Tội trộm cắp tài sản trong pháp luật phong kiến Việt Nam***

Quốc triều Hình luật là một bộ luật chính thống và quan trọng nhất của triều đại nhà Lê [22, tr.9], [16, tr.241-246]. Tội trộm cắp tài sản được quy định

tại chương “ Đạo tặc” thuộc quyển 4, gồm 54 Điều từ Điều 411 đến Điều 464, trong đó có 29 Điều quy định về tội trộm cắp tài sản [25, tr.9].

Nghiên cứu các quy định về tội trộm cắp tài sản trong Quốc triều Hình luật cho thấy:

Thứ nhất, Quốc triều Hình luật có một quy định khái quát về tội trộm cắp tài sản tại Điều 429: “ Kẻ ăn trộm mới phạm lần đầu thì phải lưu châu xa. Kẻ trộm đã có tiếng và kẻ trộm tái phạm, thì phải tội chém. Giữa ban ngày ăn cắp vặt cũng xử tội đó”. Như vậy, Bộ luật đã có sự phân biệt giữa hành vi “ăn trộm” và hành vi “ăn cắp”; “ ăn trộm” là hành vi lấy tài sản của người khác vào ban đêm, “ ăn cắp” là lấy tài sản ban ngày, hình phạt cho hai trường hợp trộm cắp tài sản này hoàn toàn khác nhau.

Thứ hai, ngoài quy định khái quát về tội trộm cắp tài sản, Quốc triều Hình luật còn quy định các tội trộm cắp tài sản cụ thể theo đối tượng tác động của tội phạm, chủ thể của tội phạm, nhân thân người phạm tội và hoàn cảnh phạm tội như: tội “ lấy trộm ấn của vua và những đồ ngự dụng, xe kiệu của vua” (Điều 430); tội “ ăn trộm những đồ thờ trong lăng miếu...” (Điều 431); tội “ lấy trộm những đồ cúng thần, phật trong các đền, chùa” (Điều 432); tội “ ăn trộm những đồ trong cung” (Điều 434); tội “ lột lấy những quần áo và đồ vật của trẻ con, người điên, người say” (Điều 435); tội “ lấy trộm trâu, ngựa, thuyền bè” (Điều 444); tội “bắt trộm cá ở đầm, ao” (Điều 445); tội “ bắt trộm gà, lợn, trộm lúa má” (Điều 446); tội “ đẩy tứ ăn trộm của chủ” (Điều 441); tội “những quân túc vệ và người hầu hạ mà ăn trộm của nhau trong cung điện” (Điều 434); tội “ quan giám lâm, người coi kho mà tự lấy tài sản trong kho” (Điều 437); tội “những người thân thuộc cùng ở chung với nhau mà lấy trộm của nhau” (Điều 439) và tội “con cháu còn ít tuổi cùng ở với bậc tôn trưởng mà đưa người về ăn trộm của nhà” (Điều 440); “ Nếu ban đêm đục tường khoét vách để lấy trộm, thì xử như tội ăn trộm thường” (Điều 439); “ Những kẻ thừa cơ lúc có trộm, cướp, cháy lụt

mà lấy trộm của cải của người ta, lấy của đánh rơi mà lại đánh lại người mất của, thì cũng đều phải tội như tội ăn trộm thường” (Điều 435).

Trong các quy định về tội trộm cắp kể trên, tội “đầy tớ ăn trộm của chủ” hoặc tội “những quân túc vệ và người hầu hạ mà ăn trộm của nhau trong cung điện” được xử nặng hơn tội trộm cắp thông thường. Những trường hợp trộm cắp giữa những người thân thuộc, con cháu lấy tài sản của bậc trưởng tộc thì được xử nhẹ. Trường hợp đầy tớ trộm cắp tài sản của chủ, nếu là đầy tớ gái thì được giảm tội.

Thứ ba, các nhà lập pháp phong kiến quan niệm tội trộm cắp tài sản là hành vi lấy tài sản của người khác. Do có quan niệm như vậy nên trong Quốc triều Hình luật không có sự phân biệt rõ rệt tội trộm cắp tài sản với tội tham ô tài sản, tội cướp tài sản, tội cưỡng đoạt tài sản, tội cướp giật tài sản, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hành vi tham ô, cướp, cưỡng đoạt, cướp giật, hoặc lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong một số trường hợp nhất định được coi là trộm cắp tài sản. “Đạo sĩ, nữ quan (đàn ông hay đàn bà chuyên theo đạo), sư ni (sư tăng, ni cô)” lấy tượng thần, tượng Phật trong đền chùa nơi họ cúng lễ thì xử về tội trộm cắp tài sản (Điều 433) hoặc “quan giám lâm (người trông coi việc xét án, khám nghiệm), người coi kho” lấy tài sản trong kho cũng được coi là trộm cắp tài sản.

Thứ tư, hình phạt không chỉ được áp dụng đối với cá nhân người phạm tội trộm cắp tài sản, mà còn có thể được áp dụng đối với những người thân thích trong gia đình như quy định tại Điều 457: “Các con còn ở nhà với cha mẹ, mà đi ăn trộm, thì cha bị xử tội biếm; ăn cướp thì cha bị xử tội đồ; nặng thì xử tăng thêm tội; và đều phải bồi thường thay con những tang vật ăn trộm, ăn cướp. Nếu con đã ra ở riêng, thì cha bị xử tội phạt hay biếm; cha đã báo quan thì không phải tội; nhưng đã báo quan rồi mà còn để con ở nhà thì cũng xử như chưa báo”.

Hoàng Việt Luật Lệ (hay còn gọi là Luật Gia Long) được xây dựng và hoàn thiện dưới Triều vua Gia Long - nhà Nguyễn, Luật Gia Long được xây dựng trên

cơ sở kế thừa các quy định của Bộ luật nổi tiếng nhất trong lịch sử đất nước khi đó là Bộ "Quốc Triều Hình luật", nhưng với số lượng chương, điều lớn hơn, điều chỉnh hầu hết các lĩnh vực trong đời sống xã hội. Hình luật cũng được quy định rất cụ thể và chi tiết. Nghiên cứu quy định của Hoàng Việt luật lệ về tội trộm cắp tài sản cho thấy:

Thứ nhất, quy định về tội trộm cắp tài sản trong Hoàng Việt luật lệ đã kế thừa quy định của Quốc triều hình luật .

Giống như trong Quốc triều hình luật, quy định về tội trộm cắp tài sản trong Hoàng Việt luật lệ được quy định tập trung tại chương "Đạo tặc" với 28 Điều. Trong Hoàng Việt luật lệ cũng có một quy định chung về tội trộm cắp tài sản tại Điều 238. Ngoài quy định trên còn quy định các tội trộm cắp tài sản cụ thể theo đối tượng tác động, chủ thể của tội phạm, nhân thân người phạm tội và hoàn cảnh phạm tội như: tội "ăn trộm những đồ vật thờ thần..." (Điều 226); tội "ăn trộm chế thu" (Điều 227); tội "ăn trộm ấn tín các nha" (Điều 228); tội "ăn trộm của, vật nội phủ (tài sản trong kho của vua)" (Điều 229); tội "ăn trộm đồ quân khi" (Điều 231); tội "ăn trộm cây cối các viên lăng" (Điều 232); tội "ăn trộm tiền lương của kho tàng" (Điều 233 và Điều 234); tội "ăn trộm trâu, ngựa, súc sản" (Điều 239); tội "ăn trộm thóc, lúa ngoài đồng" (Điều 240); tội "người giám thủ ăn trộm tiền lương của kho tàng" (Điều 233); tội "người ngoài ăn trộm tiền lương của kho tàng" (Điều 234); tội của "bà con thân thích trong gia đình, họ hàng ăn trộm tài sản của nhau" (Điều 241); tội "ăn trộm cây cối các viên lăng" (Điều 232); tội "ăn trộm thóc lúa ngoài đồng" (Điều 240); tội "tự tiện ăn dưa quả ở ruộng, vườn của người ta" (Điều 92)...

Thứ hai, về kỹ thuật lập pháp hình sự, Hoàng Việt luật lệ có những phát triển đáng kể trong quy định về tội trộm cắp tài sản.

Điều 238 quy định chung về tội trộm cắp tài sản. Các điều luật khác quy định về các tội trộm cắp cụ thể đều quy chiếu về hình phạt của Điều luật này,

như Điều 239 quy định: “Phàm kẻ ăn trộm trâu, ngựa, súc sản, đều tinh tang của, lấy luật xử tội thiết đạo (Điều 238) mà xử”; Điều 240 quy định: “Phàm ăn trộm thóc lúa, hoa quả ngoài đồng, hay là những đồ vật không có người coi giữ, đều tinh tang (vật) chuẩn vào tội thiết đạo (Điều 238) mà xử”...

Hoàng Việt luật lệ đã có những quy định về đồng phạm, các giai đoạn thực hiện tội phạm trộm cắp tài sản. Trong trường hợp đồng phạm trộm cắp tài sản, giá trị tài sản bị chiếm đoạt được tính gộp lại và những người đồng phạm đều phải chịu trách nhiệm chung về tội phạm. Điều 238 quy định: “Là như 10 người cùng ăn trộm của cải một nhà, tinh tang của (giá trị tang vật) đến 40 lạng bạc dẫu chia nhau, mỗi người được 4 lạng, nhưng mà tinh gồm một chồ, thì 10 người đều phải tội tang ăn trộm 40 lạng”. Ngoài quy định liên quan đến đồng phạm, Hoàng Việt luật lệ có quy định sơ bộ về giai đoạn thực hiện tội trộm cắp tài sản. Điều 234 quy định: “Phàm người thường (người ngoài, không phải là người coi kho) ăn trộm tiền lương, các vật của kho tàng không lấy được của thì phải 60 trượng” hoặc quy định tại Điều 238: “Phàm kẻ đã đi ăn trộm mà không lấy được của, thì phải 50 roi”...

Ngoài ra Hoàng Việt luật lệ còn quy định một số tình tiết định khung liên quan đến hành vi, thủ đoạn, công cụ và phương thức phạm tội như:

Trộm bạo, giết người, phóng lửa đốt nhà của người ta, dâm ô với vợ con người ta, đánh trộm cắp nhà ngục, thương khổ và liên can đến thành trì, nha môn, tập hợp 50 người trở lên thì không kể là trộm cắp, trộm được tiền hay không đều chiếu theo luật trộm cắp được tiền, xử chém ngay. Liền đó làm bản văn tâu lên cho vua quyết đoán là chém bêu đầu để cảnh cáo [27, tr.84].

#### *1.2.1.2. Tội trộm cắp tài sản trong pháp luật thời kỳ Pháp thuộc*

Dưới thời Pháp thuộc, thực dân Pháp thực hiện chính sách “chia để trị”, chia đất nước Việt Nam làm ba xứ với ba chế độ chính trị khác nhau, tương ứng

với hoàn cảnh xã hội đặc biệt này có những văn bản pháp luật hình sự khác nhau được áp dụng tại các địa phận Nam kỳ, Bắc kỳ và Trung kỳ. Ở Nam kỳ, Sắc luật ngày 31 tháng 12 năm 1912 của toàn quyền Đông Dương sửa đổi 56 Điều của Bộ luật hình sự Pháp thành Hình luật canh cải (Code pénal modifié) và áp dụng tại Nam kỳ; ở Bắc kỳ, Nghị định ngày 2 tháng 12 năm 1921 của toàn quyền Đông Dương cho áp dụng Luật hình An Nam. Ở Trung kỳ, bằng Dụ số 43 ngày 31 tháng 7 năm 1933 của Bảo Đại, Hoàng Việt hình luật được ban hành [16, tr.33].

Nghiên cứu Hình luật canh cải cho thấy:

Thứ nhất, Hình luật canh cải tuy được biên soạn theo Bộ luật hình Pháp nhưng đã kế thừa một số nội dung hợp lý của các Bộ luật hình phong kiến trước đây khi quy định về tội trộm cắp tài sản. Các tội trộm cắp tài sản cụ thể được quy định căn cứ vào đối tượng tài sản bị chiếm đoạt và hoàn cảnh phạm tội bao gồm: tội trộm cắp đồ thờ cúng (Điều 386); tội trộm cắp trâu, bò, (hoặc) gia súc khác (Điều 388); tội trộm cắp cá ở ao, hồ (Điều 388); tội trộm cắp lúa má ngoài đồng (Điều 388); tội của chủ quán cơm, chủ khách sạn, người đưa xe, người chở ghe trộm cắp tài sản của khách (Điều 386); tội đầy tớ trộm cắp tài sản của khách (đến) nhà chủ (Điều 386); tội ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con, cháu trộm cắp tài sản của nhau (Điều 380) và tội đàn ông góa vợ hoặc đàn bà góa chồng trộm cắp tài sản của vợ hoặc chồng đã chết (Điều 380)...

Thứ hai, về kỹ thuật lập pháp hình sự, Hình luật canh cải có bước phát triển đáng kể so với các Bộ luật hình sự phong kiến trước đây, bởi lẽ có quy phạm định nghĩa về khái niệm tội trộm cắp tài sản tại Điều 379: “Người nào dùng sự gian mà lấy đồ gì của người ta, thì phạm tội trộm cắp”. Ngoài ra, Bộ luật còn quy định các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của tội trộm cắp tài sản tại các Điều 381, 384, 385. Đó là các tình tiết: a. Trộm cắp tài sản ban đêm; b. Trộm cắp tài sản có từ hai người trở lên tham gia; c. Trộm cắp tài sản có cầm khí

giới hay giấu khí giới trong người; d. Trộm cắp tài sản có phá cửa, trèo tường hoặc dùng chìa khoá giả, vào trong nhà, trong phòng có người ở hoặc là dùng để ở... hoặc mạo xưng chức vụ hoặc giả mạo quần áo hoặc giả mạo giấy tờ của quan văn, quan võ; đ. Trộm cắp tài sản có hành vi cưỡng hiếp hoặc hăm dọa với khí giới đang cầm.

### *1.2.1.3. Tội trộm cắp tài sản trong pháp luật thời kỳ sau Cách mạng tháng tám năm 1945 đến trước khi ban hành BLHS năm 1985*

Cách mạng tháng Tám thành công, chính phủ non trẻ của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa mà đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban hành một loạt các sắc lệnh, các quy định khác của pháp luật nhằm trừng trị các tội phản cách mạng, do điều kiện khách quan mà các văn bản pháp luật trong lĩnh vực hình sự, trong đó có quy định về các tội xâm phạm sở hữu nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng và chế tài hình sự chưa được quy định cụ thể. Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, mặc dù phải đối phó với thù trong, giặc ngoài, Nhà nước công nông non trẻ đã lần lượt ban hành các văn bản pháp luật sau đây về tội trộm cắp tài sản; Sắc lệnh số 26 - SL ngày 25 tháng 2 năm 1946 trừng trị tội phá hoại công sản; Sắc lệnh số 73 - SL ngày 17 tháng 8 năm 1947 về các tội vi cảnh; Sắc lệnh số 12- SL ngày 12 tháng 3 năm 1949 về tội trộm cắp (tài sản) của nhà binh; Thông tư số 26 - BK ngày 9 tháng 5 năm 1949 của Bộ Tư Pháp hướng dẫn đường lối xử lý hành vi bắt được của rơi mà giữ lấy không trả hoặc không nộp cho nhà chức trách; Thông tư số 11- BK ngày 14 tháng 12 năm 1949 của liên Bộ nội vụ, Quốc phòng, Tư pháp ấn định phương pháp đối phó với các vụ trộm cắp tại nơi có chiến sự; Nghị định số 32 - NĐ ngày 6 tháng 4 năm 1952 của Bộ Tư Pháp quy định đường lối xét xử các tội trộm cắp, lừa đảo, biển thủ tài sản... [5, tr.115, 135-137]. Nghiên cứu các văn bản này cho thấy:

Thứ nhất, quy định về tội trộm cắp tài sản trong giai đoạn này đã tạo cơ sở pháp lý kịp thời cho cuộc đấu tranh phòng, chống tội trộm cắp tài sản, góp phần



vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Đặc biệt, quy định về tội trộm cắp tài sản trong giai đoạn này đã kế thừa, phát triển những quy định trước đây, chẳng hạn, tình tiết lợi dụng hoàn cảnh khó khăn nhất định của xã hội như hoàn cảnh chiến tranh hoặc phạm tội tại vùng có chiến sự thì bị xử nghiêm khắc. Thông tư số 11- BK quy định: “ ở những vùng gần mặt trận nên chú ý đến bọn thành tích bất hảo để đưa đi an trí khi mặt trận lan tới... các Tòa án phải phổ biến trong dân chúng sự trừng phạt nghiêm ngặt của luật pháp đối với tội ăn cắp, ăn trộm khi có chiến sự”.

Thứ hai, nhược điểm của các văn bản quy phạm pháp luật hình sự thời kỳ này là chưa có sự phân biệt tội trộm cắp tài sản với tội chiếm giữ trái phép tài sản. Thông tư số 26- BK quy định: “Bắt được của cải gì của người ta, mà giữ làm của mình... bị coi là ăn cắp... có thể bị phạt tù từ 1 tháng đến 5 năm, lại còn bị phạt tiền nữa”.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, ngày 30 tháng 6 năm 1955, Bộ Tư Pháp ban hành Thông tư số 19 - VHH chấm dứt áp dụng văn bản pháp luật phong kiến, thực dân. Để đấu tranh phòng chống tội phạm có hiệu quả và bảo vệ trật tự xã hội, Nhà nước trong thời kỳ này ban hành nhiều văn bản về tội trộm cắp tài sản như Thông tư số 442 - TTg ngày 19 tháng 1 năm 1955 của Phủ thủ tướng tổng kết án lệ và hướng dẫn công tác xét xử các tội phạm thông thường; Sắc lệnh số 267- SL ngày 15 tháng 6 năm 1956 trừng trị những âm mưu và hành động phá hoại tài sản của Nhà nước; Báo cáo tổng kết công tác 4 năm (1965-1968) của TANDTC; Chỉ thị số 693 - HS 2 ngày 1 tháng 6 năm 1964 của TANDTC hướng dẫn đường lối xét xử; Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản XHCN và Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản công dân ngày 21 tháng 10 năm 1970 [29, tr.204, tr.455].

Nghiên cứu những văn bản pháp luật hình sự này cho thấy:

Thứ nhất, tội trộm cắp tài sản được thể hiện như một quy định đơn giản với chế tài cụ thể. Chẳng hạn, Thông tư số 442 - TTg quy định: “trộm cắp: phạt tù từ 3 tháng đến 3 năm; cướp đường hay trộm có tổ chức, có bạo lực, có dùng vũ khí để dọa nạt thì phạt tù từ 3 đến 10 năm”.

Thứ hai, quy định một số tình tiết tăng nặng mới của tội trộm cắp tài sản như: lưu manh chuyên nghiệp, phạm tội có tổ chức, có dùng bạo lực và có dùng vũ khí. Thông tư số 442 - TTg hướng dẫn: “Cũng nhằm tăng cường bảo vệ trật tự an ninh trong giai đoạn hiện tại, Chính phủ lại ra quyết nghị trừng trị nặng bọn lưu manh chuyên sống về nghề trộm cắp”. Thông tư này còn bổ sung: “Cướp đường hay trộm có tổ chức, có bạo lực, có dùng vũ khí để dọa nạt thì bị phạt tù từ 3 đến 10 năm”. Để xác định tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm chính xác hơn và phân hoá TNHS người phạm tội, hai Pháp lệnh ngày 21 tháng 10 năm 1970 đã quy định các tình tiết tăng nặng: “tài sản có số lượng lớn” và “tài sản có số lượng rất lớn”, “tài sản có giá trị đặc biệt”. Hai Pháp lệnh ngày 21 tháng 10 năm 1970 còn quy định tình tiết tăng nặng: “lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, nơi có chiến sự, có thiên tai hoặc có khó khăn khác để phạm tội”.

Thứ ba, về kỹ thuật lập pháp hình sự, hai Pháp lệnh ngày 21 tháng 10 năm 1970 đã xây dựng hoàn chỉnh cấu thành tội phạm về tội trộm cắp tài sản. Tội trộm cắp tài sản XHCN được quy định tại Điều 7 và tội trộm cắp tài sản công dân được quy định tại Điều 6. Các điều luật này đều bao gồm một cấu thành tội phạm cơ bản và hai cấu thành tội phạm tăng nặng với các tình tiết tăng nặng định khung cụ thể.

Ngoài ra, hai Pháp lệnh còn quy định nhiều tội xâm phạm sở hữu khác, thông qua các quy định cụ thể ta thấy các nhà lập pháp thời kỳ này đã có sự phân biệt tội trộm cắp tài sản với các tội xâm phạm sở hữu khác như tội cướp, tội cưỡng đoạt, tội tham ô, tội lừa đảo hoặc tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản...

So với văn bản pháp luật hình sự trước đây trong thời kỳ phong kiến và Pháp thuộc, các văn bản pháp luật hình sự thời kỳ này đã có bước tiến bộ rõ nét và cơ bản khi đã xây dựng được cấu thành tội trộm cắp tài sản hoàn chỉnh. Bên cạnh cấu thành cơ bản của tội trộm cắp tài sản, các cấu thành tội phạm tăng nặng cũng được xác định với các tình tiết tăng nặng cụ thể và tương ứng với nó là những khung hình phạt phù hợp với những mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau của tội phạm.

#### *1.2.1.4. Tội trộm cắp tài sản theo quy định BLHS năm 1985*

Thứ nhất, BLHS năm 1985 đã kế thừa hai Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản XHCN và công dân và quy định tội trộm cắp tài sản XHCN, tội trộm cắp tài sản công dân tại Điều 132 và Điều 155. Điều 132 quy định tội trộm cắp tài sản XHCN: “Người nào trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa thì bị...”; Điều 155 quy định tội trộm cắp tài sản của công dân quy định: “Người nào trộm cắp tài sản của người khác thì bị...”

Tại các Điều luật này, tội trộm cắp tài sản được cấu tạo bởi một cấu thành tội phạm cơ bản và hai cấu thành tội phạm tăng nặng. Các tình tiết tăng nặng định khung được kế thừa là: phạm tội có tổ chức; phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn; tái phạm nguy hiểm và gây hậu quả nghiêm trọng khác. Tội trộm cắp tài sản XHCN được quy định như là tội có tính chất nguy hiểm cho xã hội cao hơn tội trộm cắp tài sản của công dân. Trong BLHS năm 1985, mức hình phạt cao nhất đối với tội trộm cắp tài sản XHCN là tử hình và đối với tội trộm cắp tài sản công dân là 20 năm.

Thứ hai, BLHS năm 1985 bỏ một số tình tiết tăng nặng trong văn bản pháp luật hình sự trước đây như “có móc ngoặc”, “tài sản có giá trị đặc biệt”; “dùng tài sản trộm cắp vào việc kinh doanh, bóc lột đầu cơ hoặc vào những việc phạm tội khác” và “gây hậu quả nghiêm trọng đến đời sống của người bị thiệt hại hoặc gây hậu quả nghiêm trọng khác”. Đây là những tình tiết tăng nặng được áp dụng trong cuộc đấu tranh phòng chống tội trộm cắp tài sản, nhưng bộc lộ những hạn

chế và không còn phù hợp với thực tiễn. Bên cạnh đó, BLHS năm 1985 quy định tình tiết tăng nặng mới: “hành hung để tẩu thoát”. Hành hung để tẩu thoát là trường hợp người phạm tội trộm cắp tài sản đã dùng vũ lực để trốn tránh sự bắt giữ khi tội phạm bị người khác phát hiện trong hoặc sau khi thực hiện tội phạm. Đối tượng tác động của hành vi dùng vũ lực có thể là người chủ sở hữu, người quản lý hoặc bất kỳ người nào khác tham gia vào việc bắt giữ người phạm tội. Đây là tình tiết làm cho tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm tăng lên đáng kể và xảy ra tương đối phổ biến.

Thứ ba, BLHS 1985 có những phát triển đáng kể so với các quy định trước đây, đã góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, quy định của BLHS năm 1985 về tội trộm cắp tài sản còn một số hạn chế sau: 1) BLHS năm 1985 còn phân biệt tội trộm cắp tài sản XHCN với tội trộm cắp tài sản của công dân; 2) Khoảng cách giữa mức tối đa và tối thiểu của khung hình phạt còn rộng; 3) Chưa phân biệt được những trường hợp trộm cắp tài sản là hành vi vi phạm pháp luật hành chính với trường hợp trộm cắp tài sản là tội phạm.

BLHS năm 1985 được ban hành trong thời kỳ tập trung, quan liêu, bao cấp, có sự phân biệt rõ ràng trong việc bảo vệ tài sản XHCN và tài sản của công dân. Tuy được sửa đổi, bổ sung bốn lần vào các năm 1989, 1991, 1992, 1997, nhưng những lần sửa đổi, bổ sung này chủ yếu nhằm phục vụ cho cuộc đấu tranh đối với một số loại tội phạm nhất định. Sau khi Nhà nước ta ban hành Hiến pháp năm 1992 tại Điều 22 quy định: “Các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, đều bình đẳng trước pháp luật, vốn và tài sản hợp pháp được Nhà nước bảo hộ”, thì có thể khẳng định việc quy định các tội xâm phạm sở hữu trong hai chương là không phù hợp với tình hình mới.

Các quy định của pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản theo BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 được luận văn đề cập chi tiết ở mục sau.

### ***1.2.2. Quy định của Bộ luật hình sự hiện hành về tội trộm cắp tài sản***

#### ***1.2.2.1. Quy định về tội phạm***

Theo quy định tại Điều 138 BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng (hai triệu đồng) đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới năm trăm nghìn đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Có tính chất chuyên nghiệp;
- c) Tái phạm nguy hiểm;
- d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;
- đ) Hành hung để tẩu thoát;
- e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;
- g) Gây hậu quả nghiêm trọng.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;
- b) Gây hậu quả rất nghiêm trọng.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

- a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên;
- b) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”.

#### 1.2.2.2. Quy định về hình phạt

##### a) Khung cơ bản

Trên cơ sở kế thừa các dấu hiệu pháp lý đã phân tích ở trên và kết hợp với quy định tại Điều 138 của BLHS năm 1999, có thể thấy một hành vi được coi là thỏa mãn cấu thành cơ bản của tội trộm cắp tài sản khi thỏa mãn điều kiện lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ *hai triệu đồng* đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới *hai triệu đồng* nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm. Mức hình phạt quy định đối với hành vi thỏa mãn cấu thành tội phạm cơ bản là bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

##### b) Khung tăng nặng

**\* Các dấu hiệu định khung tăng nặng (theo khoản 2) của tội trộm cắp tài sản**

- *Trộm cắp tài sản có tổ chức*

Cũng tương tự như các trường hợp phạm tội có tổ chức khác, trộm cắp tài sản có tổ chức là trường hợp có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm, trong đó có người tổ chức, người thực hành, người xúi dục, người giúp sức. Tuy nhiên, không phải vụ trộm cắp tài sản có tổ chức nào cũng có đủ những người giữ vai trò như trên mà tùy từng trường hợp, có thể chỉ có người tổ chức và người thực hành mà không có người xúi dục hoặc người giúp sức, nhưng nhất định phải có người tổ chức và người thực hành thì mới là phạm tội

có tổ chức. Các yếu tố để xác định phạm tội có tổ chức được quy định tại Điều 20 Bộ luật hình sự.

- *Trộm cắp tài sản có tính chất chuyên nghiệp*

Hiện nay, Theo hướng dẫn tại Mục 5.1 Nghị Quyết số: 01/2006/NQ-HĐTP của Hội Đồng thẩm phán TAND Tối cao ngày 12/05/2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự thì phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là:

a) Cố ý phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một tội phạm không phân biệt đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa được xoá án tích;

b) Người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính.

Do đó, trường hợp phạm tội này cũng tương tự như các trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp quy định trong Bộ luật hình sự, tức là người phạm tội lấy việc trộm cắp tài sản là phương tiện sinh sống chính của mình. Nói chung, trộm cắp tài sản có tính chất chuyên nghiệp thường được thực hiện có tổ chức. Tuy nhiên cũng có trường hợp chỉ một hoặc hai người chuyên trộm cắp tài sản nhưng chỉ là trường hợp đồng phạm thông thường.

Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nói chung, phạm tội trộm cắp tài sản nói riêng, nhất thiết người thực hành phải thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhiều lần, nhưng không phải cứ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhiều lần đều là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, mà phải xem xét việc thực hiện tội phạm của họ có thật sự là phương tiện sống hay không. Nếu phạm tội nhiều lần nhưng họ không lấy việc phạm tội là lẽ sống thì không coi là có tính chất chuyên nghiệp mà chỉ là trường hợp phạm tội nhiều lần (tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự). Nếu người phạm tội tuy có lấy việc phạm tội là phương tiện sống, nhưng chỉ trộm cắp tài sản một lần còn những lần phạm tội khác không phải là trộm cắp tài sản thì cũng không phải là trộm cắp tài sản có tính chất chuyên nghiệp là tình tiết định khung hình

phạt, mà chỉ là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự

- *Người phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm*

Trường hợp phạm tội này lại hoàn toàn giống với tất cả những trường hợp tái phạm nguy hiểm khác, chỉ cần xác định người phạm tội có đủ các dấu hiệu quy định tại khoản 2 Điều 49 Bộ luật hình sự. Đây là tình tiết thuộc về nhân thân người phạm tội, không phụ thuộc vào hành vi phạm tội cụ thể của tội phạm này hay tội phạm khác.

- *Dùng thủ đoạn xảo quyệt, thủ đoạn nguy hiểm*

Nếu trong các cấu thành của các tội chiếm đoạt được thực hiện bằng hình thức công khai trắng trợn, nhà làm luật không quy định tình tiết dùng thủ đoạn xảo quyệt là tình tiết định khung tăng nặng, thì đối với các tội chiếm đoạt bằng hình thức lén lút, bí mật nhà làm luật lại quy định tình tiết này là tình tiết định khung hình phạt.

Dùng thủ đoạn xảo quyệt khi thực hiện hành vi trộm cắp là người phạm tội có những mảnh khloe, cách thức gian dối, thâm hiểm làm cho người bị hại và những người khác khó lường trước để đề phòng.

Dùng thủ đoạn nguy hiểm để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là trường hợp người phạm tội đã có những thủ đoạn gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khoẻ của chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản như: Dùng hoá chất hoặc thuốc trừ sâu, diệt chuột đổ xuống ao, hồ để bắt trộm cá chết nổi gây ô nhiễm nguồn nước sạch gây nguy hại đến tính mạng, sức khoẻ của nhiều người.

- *Hành hung để tẩu thoát*

Đây là trường hợp sau khi đã trộm được tài sản, người phạm tội bị đuổi bắt hoặc đã bị bắt đã có hành vi dùng vũ lực đối với chủ sở hữu hoặc những người khác, nhưng hành vi dùng vũ lực chưa gây ra thương tích hoặc nếu đã gây ra thương tích thì tỷ lệ thương tật chưa đến 11%, nếu tỷ lệ thương tật từ 11% trở lên, thì tùy thuộc vào mức tỷ lệ thương tật, mà người phạm tội còn có thể bị truy



cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1, khoản 2, khoản 3 hoặc khoản 4 Điều 104 Bộ luật hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Khi xác định trường hợp phạm tội này, cần phân biệt với người phạm tội hành hung không nhằm mục đích tẩu thoát mà nhằm giữ bằng được tài sản. Nếu người phạm tội sau khi đã trộm được tài sản, bị đuổi bắt hoặc đã bị bắt nhưng cố tình giữ tài sản bằng cách hành hung người khác thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội cướp tài sản. Trường hợp này, khoa học luật hình sự gọi là chuyển hoá từ tội trộm cắp tài sản sang tội cướp tài sản

*- Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng.*

Đây là trường hợp người phạm tội trộm cắp tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng. Việc xác định giá trị tài sản là căn cứ vào giá thị trường vào thời điểm phạm tội, vì trách nhiệm hình sự là trách nhiệm của một người khi thực hiện hành vi phạm tội. Trong trường hợp các cơ quan tiến hành tố tụng không tự mình xác định được giá trị tài sản thì phải trưng cầu giám định (định giá).

Mặc dù điều luật chỉ quy định chiếm đoạt tài sản nhưng không vì thế mà cho rằng, người phạm tội đã chiếm đoạt được tài sản trị giá từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng mới thuộc trường hợp phạm tội này, mà chỉ cần xác định người phạm tội có ý định trộm cắp tài sản có giá trị như trên là đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự, còn người phạm tội đã chiếm đoạt được hay chưa không phải là dấu hiệu bắt buộc.

*- Trộm cắp tài sản gây hậu quả nghiêm trọng*

Trường hợp phạm tội này cũng tương tự như trường hợp phạm tội quy định tại điểm g khoản 2 Điều 133; điểm i khoản 2 Điều 134; điểm đ khoản 2 Điều 135; điểm h khoản 2 Điều 136; điểm d khoản 2 Điều 137, chỉ khác ở chỗ trường

hợp phạm tội này hậu quả nghiêm trọng là do hành vi phạm tội trộm cắp tài sản gây ra. Cũng như các trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng khác, khi xác định căn cứ vào các thiệt hại về thể chất, về tài sản, phi vật chất do hành vi trộm cắp gây ra. Nói chung, hậu quả nghiêm trọng do hành vi trộm cắp tài sản gây ra phải tương đương với các tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự, vì nó được quy định trong cùng một khung hình phạt với các tình tiết này.

Trộm cắp tài sản gây hậu quả nghiêm trọng là trường hợp do hành vi phạm tội trộm cắp tài sản nên đã gây ra những thiệt hại khác ngoài những thiệt hại đã được quy định là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt. Những thiệt hại này gọi chung là “hậu quả nghiêm trọng”. Căn cứ vào các quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại Thông tư số: 02/2001/TTLT- TANDTC- VKSNDTC-BCA-BTP của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp ngày 25/12/2001 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIV “các tội xâm phạm sở hữu” trong BLHS năm 1999, có thể coi những thiệt hại sau là hậu quả nghiêm trọng do hành vi phạm tội trộm cắp tài sản gây ra:

- + Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của nhiều người với tỷ lệ thương tật của mỗi người dưới 11%, nhưng tổng tỷ lệ thương tật của tất cả những người này từ 11% đến 30%;

- + Gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, nhưng không phải là giá trị tài sản bị chiếm đoạt ;

- + Ngoài những thiệt hại về sức khoẻ hoặc tài sản có thể xác định được như đã nêu trên, còn những thiệt hại phi vật chất cũng cần được xác định để đánh giá hậu quả do hành vi trộm cắp tài sản gây ra, như: ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội; gây hoang mang cho nhiều người trên một địa bàn nhất định. Những thiệt hại phi vật chất, đòi hỏi cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng phải căn cứ vào từng vụ án cụ thể, trong một hoàn cảnh cụ thể, xảy ra ở một địa bàn cụ thể, mới có thể xác định được chính xác.

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự thì người phạm tội sẽ bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm, là tội phạm nghiêm trọng. Khi quyết định hình phạt, cần chú ý một số điểm sau:

Nếu các tình tiết khác của vụ án như nhau, thì:

+ Người phạm tội thuộc nhiều trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 sẽ bị phạt nặng hơn người phạm tội chỉ thuộc một trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự;

+ Người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự sẽ được áp dụng hình phạt thấp hơn người phạm tội không có hoặc có ít tình tiết giảm nhẹ;

+ Người phạm tội có nhiều tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự sẽ bị áp dụng hình phạt nặng hơn người phạm tội không có hoặc có ít tình tiết tăng nặng;

+ Thiệt hại về tài sản, tinh thần càng lớn, hình phạt càng nặng và ngược lại;

+ Người phạm tội bồi thường được càng nhiều tài sản bị chiếm đoạt thì mức hình phạt càng được giảm so với người phạm tội chỉ bồi thường hoặc chỉ bồi thường không đáng kể.

***\* Tình tiết định khung tăng nặng quy định tại khoản 3 Điều 138 BLHS 1999***

*- Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng*

Trường hợp phạm tội này cũng tương tự như trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự, chỉ khác là tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng. Cũng như các trường hợp tương tự khác, việc xác định giá trị tài sản là căn cứ vào giá thị trường vào thời điểm phạm tội, vì trách nhiệm hình sự là trách nhiệm của một người khi thực

hiện hành vi phạm tội. Trong trường hợp các cơ quan tiến hành tố tụng không tự mình xác định được giá trị tài sản thì phải trưng cầu giám định (định giá).

Mặc dù điều luật chỉ quy định chiếm đoạt tài sản nhưng không vì thế mà cho rằng, người phạm tội đã chiếm đoạt được tài sản trị giá từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng mới thuộc trường hợp phạm tội này, mà chỉ cần xác định người phạm tội có ý định chiếm đoạt tài sản có giá trị như trên là đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự, còn người phạm tội đã chiếm đoạt được hay chưa không phải là dấu hiệu bắt buộc.

*- Trộm cắp tài sản gây hậu quả rất nghiêm trọng*

Trường hợp phạm tội này cũng tương tự như trường hợp phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng khác, chỉ khác ở chỗ trường hợp phạm tội này hậu quả rất nghiêm trọng là do hành vi phạm tội gây ra. Cũng như các trường hợp gây hậu quả rất nghiêm trọng khác, khi xác định cần căn cứ vào các thiệt hại về thể chất, về tài sản, phi vật chất do hành vi trộm cắp gây ra. Nói chung, hậu quả rất nghiêm trọng do hành vi trộm cắp tài sản gây ra phải tương đương với các tình tiết quy định tại khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự, vì nó được quy định trong cùng một khung hình phạt với các tình tiết này.

Trộm cắp tài sản gây hậu quả rất nghiêm trọng là trường hợp do hành vi phạm tội nên đã gây ra những thiệt hại khác ngoài những thiệt hại đã được quy định là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt. Những thiệt hại này gọi chung là “hậu quả rất nghiêm trọng”. Căn cứ vào các quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại Thông tư số: 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP, có thể coi những thiệt hại sau là hậu quả rất nghiêm trọng do hành vi phạm tội trộm cắp tài sản gây ra:

+ Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người với tỷ lệ thương tật của mỗi người dưới 31%, nhưng tổng tỷ lệ thương tật của tất cả những người này từ 31% đến 60%;

+ Gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, nhưng không phải là giá trị tài sản người phạm tội trộm cắp;

+ Ngoài những thiệt hại về sức khỏe hoặc tài sản có thể xác định được như đã nêu trên, còn những thiệt hại phi vật chất cũng cần được xác định để đánh giá hậu quả do hành vi trộm cắp tài sản gây ra, như: ảnh hưởng rất xấu đến việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; gây ảnh hưởng rất xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội; gây hoang mang cho rất nhiều người trên một địa bàn nhất định. Những thiệt hại phi vật chất, đòi hỏi cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải căn cứ vào từng vụ án cụ thể, trong một hoàn cảnh cụ thể, xảy ra ở một địa bàn cụ thể, mới có thể xác định được chính xác.

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự thì người phạm tội sẽ bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm, là tội phạm rất nghiêm trọng. Khi quyết định hình phạt, cần chú ý một số điểm sau:

Nếu các tình tiết khác của vụ án như nhau, thì:

+ Người phạm tội thuộc cả hai trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 138 sẽ bị phạt nặng hơn người phạm tội chỉ thuộc một trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự;

+ Người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự sẽ được áp dụng hình phạt thấp hơn người phạm tội không có hoặc có ít tình tiết giảm nhẹ;

+ Người phạm tội có nhiều tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự sẽ bị áp dụng hình phạt nặng hơn người phạm tội không có hoặc có ít tình tiết tăng nặng;

+ Thiệt hại về tài sản, tinh thần càng lớn, hình phạt càng nặng và ngược lại;

+ Người phạm tội bồi thường được càng nhiều tài sản bị chiếm đoạt thì mức hình phạt càng được giảm so với người phạm tội chỉ bồi thường hoặc chỉ bồi thường không đáng kể.

**\* *Tình tiết định khung tăng nặng thuộc các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 138 BLHS 1999***

*- Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên*

Trường hợp phạm tội này cũng tương tự như trường hợp quy định tại điểm e khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự, chỉ khác là tài sản bị trộm cắp trong trường hợp này có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên. Cũng như các trường hợp tương tự khác, việc xác định giá trị tài sản là căn cứ vào giá thị trường vào thời điểm phạm tội, vì trách nhiệm hình sự là trách nhiệm của một người khi thực hiện hành vi phạm tội. Trong trường hợp các cơ quan tiến hành tố tụng không tự mình xác định được giá trị tài sản thì phải trưng cầu giám định (định giá).

Mặc dù điều luật chỉ quy định chiếm đoạt tài sản nhưng không vì thế mà cho rằng, người phạm tội đã chiếm đoạt được tài sản trị giá từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng mới thuộc trường hợp phạm tội này, mà chỉ cần xác định người phạm tội có ý định trộm cắp tài sản có giá trị như trên là đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự, còn người phạm tội đã chiếm đoạt được hay chưa không phải là dấu hiệu bắt buộc.

*- Trộm cắp tài sản gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*

Trường hợp phạm tội này cũng tương tự như trường hợp phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khác, chỉ khác ở chỗ trường hợp phạm tội này hậu quả đặc biệt nghiêm trọng là do hành vi phạm tội trộm cắp tài sản gây ra. Cũng như các trường hợp gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khác, khi xác định cần căn cứ vào các thiệt hại về thể chất, về tài sản, phi vật chất do hành vi trộm cắp gây ra. Nói chung, hậu quả đặc biệt nghiêm trọng do hành vi trộm cắp tài sản gây ra phải tương đương với các tình tiết quy định tại khoản 4 Điều 138 Bộ luật hình sự, vì nó được quy định trong cùng một khung hình phạt với các tình tiết này.

Trộm cắp tài sản gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng là trường hợp do hành vi phạm tội trộm cắp tài sản nên đã gây ra những thiệt hại khác ngoài những thiệt hại đã được quy định là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt. Những thiệt hại này gọi chung là “hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”. Căn cứ vào các quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại Thông tư số: 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP có thể coi những thiệt hại sau là hậu quả đặc biệt nghiêm trọng do hành vi phạm tội trộm cắp tài sản gây ra:

+ Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người với tỷ lệ thương tật của mỗi người dưới 61%, nhưng tổng tỷ lệ thương tật của tất cả những người này từ 61% trở lên hoặc làm chết người. Các thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, không bao gồm các thiệt hại về tính mạng, sức khỏe mà người phạm tội đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hoặc tội giết người.

+ Gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 500.000.000 đồng trở lên, nhưng không phải là giá trị tài sản người phạm tội trộm cắp;

+ Ngoài những thiệt hại về sức khỏe hoặc tài sản có thể xác định được như đã nêu trên, còn những thiệt hại phi vật chất cũng cần được xác định để đánh giá hậu quả do hành vi trộm cắp tài sản gây ra, như: ảnh hưởng đặc biệt xấu đến việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; gây ảnh hưởng đặc biệt xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội; gây hoang mang cho rất nhiều người ở nhiều địa bàn nhất định. Những thiệt hại phi vật chất, đòi hỏi cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải căn cứ vào từng vụ án cụ thể, trong một hoàn cảnh cụ thể, xảy ra ở một địa bàn cụ thể, mới có thể xác định được chính xác.

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 138 Bộ luật hình sự thì người phạm tội sẽ bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân, là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Khi quyết định hình phạt, cần chú ý một số điểm sau:

Nếu người phạm tội có từ hai tình tiết giảm nhẹ trở lên quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng hoặc tuy có tình tiết tăng nặng nhưng mức độ tăng nặng không đáng kể, người phạm tội có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, không phải là người tổ chức, đáng được khoan hồng, thì Tòa án có thể áp dụng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt (dưới mười hai năm tù) nhưng không được dưới bảy năm tù.

Nếu các tình tiết khác của vụ án như nhau, thì:

+ Người phạm tội thuộc cả hai trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 138 sẽ bị phạt nặng hơn người phạm tội chỉ thuộc một trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 138 Bộ luật hình sự;

+ Người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự sẽ được áp dụng hình phạt thấp hơn người phạm tội không có hoặc có ít tình tiết giảm nhẹ;

+ Người phạm tội có nhiều tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự sẽ bị áp dụng hình phạt nặng hơn người phạm tội không có hoặc có ít tình tiết tăng nặng;

+ Thiệt hại về tài sản, tinh thần càng lớn, hình phạt càng nặng và ngược lại;

+ Người phạm tội bồi thường được càng nhiều tài sản bị chiếm đoạt thì mức hình phạt càng được giảm so với người phạm tội chỉ bồi thường hoặc chỉ bồi thường không đáng kể.

#### ***\* Hình phạt bổ sung đối với người phạm tội trộm cắp tài sản***

Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự thì ngoài hình phạt chính, người phạm tội trộm cắp tài sản còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng.

Hình phạt tiền là loại hình phạt mới được quy định đối với người phạm tội cướp giật tài sản, mức phạt tiền là từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Có thể coi đây là khung hình phạt tiền đối với người phạm tội trộm cắp tài sản. Vì vậy, nếu Tòa án áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với người



phạm tội phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự trộm cắp tài sản thì không được phạt trên năm mươi triệu đồng, nhưng nếu người thì có thể phạt dưới năm triệu đồng nhưng không được dưới một triệu đồng vì theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Bộ luật hình sự mức phạt tiền không được dưới một triệu đồng.

***\* Một số quy định mới về tội trộm cắp tài sản theo quy định của BLHS năm 2015.***

Tội trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 173 BHS năm 2015 và sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016. Theo khoản 1 Điều 138 BLHS hiện hành, người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2 triệu đồng trở lên hoặc dưới 2 triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Khoản 1 Điều 173 BLHS 2015 vẫn giữ nguyên mức hình phạt nhưng có sửa đổi, bổ sung so với khoản 1 Điều 138 BLHS hiện hành như sau:

Thứ nhất, trường hợp trộm cắp tài sản có giá trị dưới 2 triệu đồng nhưng “gây hậu quả nghiêm trọng” được thay bằng “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”.

Thứ hai, BLHS 2015 quy định rõ hơn, toàn diện hơn về tình tiết định tội khi tài sản trộm cắp có giá trị dưới 2 triệu đồng. Theo đó, nếu BLHS hiện hành quy định “đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt” thì BLHS 2015 sửa đổi thành “đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản”. Nếu BLHS hiện hành quy định “ đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm” thì BLHS 2015 sửa đổi thành “ đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”.

Thứ ba, cũng theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS 2015, người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá dưới 2 triệu đồng nhưng “tài sản đó là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại” thì cũng bị xử lý hình sự về tội trộm cắp tài sản.

Quy định tại khoản 2 Điều 173 BLHS 2015 cơ bản vẫn giữ nguyên về mức hình phạt tù, về các tình tiết định khung tăng nặng có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, tái phạm nguy hiểm, dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm, hành hung để tẩu thoát, chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 173 BLHS 2015 đã bỏ tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng”, đồng thời bổ sung tình tiết mới là “trộm cắp tài sản trị giá từ 2 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 điều này”.

Tương tự, khoản 3 Điều 173 BLHS 2015 vẫn giữ nguyên mức hình phạt tù và tình tiết định khung tăng nặng chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng, bỏ tình tiết “gây hậu quả rất nghiêm trọng”, bổ sung hai tình tiết hoàn toàn mới “trộm cắp tài sản trị giá từ 50 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 điều này” và “lợi dụng thiên tai, dịch bệnh”.

Khoản 4 Điều 173 BLHS 2015 đã bỏ hình phạt tù chung thân, giữ nguyên mức hình phạt tù có thời hạn và tình tiết “chiếm đoạt tài sản trị giá 500 triệu đồng trở lên”. Điều khoản này cũng bổ sung hai tình tiết mới là “trộm cắp tài sản trị giá từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 điều này” và “lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp”.

Khoản 5 Điều 173 BLHS 2015 vẫn giữ nguyên như quy định tại khoản 5 Điều 138 BLHS hiện hành là “người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng”.

Về kỹ thuật lập pháp, các quy định về số lượng, giá trị tại Điều 138 BLHS hiện hành như “sáu tháng”, “ba năm”, “hai triệu đồng”... đều được Điều 173 BLHS 2015 quy định bằng con số như 6 tháng, 3 năm, 2 triệu đồng...

### **Tiểu kết Chương 1**

Đứng trước tình hình các tội phạm xâm phạm sở hữu, trong đó có tội trộm cắp tài sản đang có xu hướng ngày càng nghiêm trọng, ảnh hưởng đến trật tự, an ninh xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của người dân, đề tài được xây dựng với mong muốn có một cái nhìn rõ ràng hơn về tội phạm trộm cắp tài sản. Để từ đó các nhà hoạch định chính sách, các cơ quan quản lý, những người trực tiếp thực thi nhiệm vụ đấu tranh đối với loại tội phạm này có được những biện pháp kịp thời, hiệu quả, đảm bảo giữ cho xã hội được ổn định, người dân được bảo vệ về quyền và lợi ích hợp pháp thì mới có thể yên tâm sinh sống, phát triển.

Với mục tiêu đó, trong phạm vi chương 1 của luận văn, tác giả đưa ra một số vấn đề lý luận cơ bản nhất đối với tội trộm cắp tài sản như khái niệm, dấu hiệu pháp lý, quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành về tội phạm trộm cắp tài sản. Bên cạnh đó, tác giả phân tích về quá trình hình thành và phát triển của các quy định liên quan đến tội phạm trộm cắp tài sản để có cái nhìn rõ hơn trong một quá trình lịch sử; nêu được những khía cạnh cơ bản về mặt lý luận để làm tiền đề cho việc xây dựng các nội dung trong các chương tiếp theo.

## **Chương 2**

### **THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN ĐÔNG ĐA – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

#### **2.1. Định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản**

Bộ luật hình sự (BLHS) là một trong những công cụ sắc bén và hữu hiệu của Nhà nước ta trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nhằm bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân, quyền bình đẳng giữa các dân tộc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, duy trì trật tự, an toàn xã hội, chống lại mọi hành vi phạm tội, giáo dục người dân ý thức chấp hành và tuân thủ pháp luật. Hơn nữa BLHS cũng là văn bản duy nhất quy định về tội phạm và hình phạt, trong đó có tội trộm cắp tài sản. Vì vậy, về mặt lý luận khi áp dụng trong hoạt động định tội danh, đương nhiên vấn đề trước tiên khi thực hiện giải quyết vụ án trộm cắp tài sản trên địa bàn Quận Đống Đa cần quan tâm là các quy định của văn bản này. Trong đó người tiến hành tố tụng cần tìm hiểu kỹ quy định của BLHS nói chung và các quy định về các tội xâm phạm sở hữu, trong đó có tội trộm cắp tài sản nói riêng. Trên cơ sở các tình tiết thực tế, cần đối chiếu với quy định của BLHS về tội trộm cắp tài sản để khẳng định hành vi đó có thỏa mãn cấu thành tội phạm không.

Hơn nữa, để áp dụng đúng quy định của BLHS về tội phạm này, chủ thể tiến hành tố tụng cũng cần tìm hiểu và áp dụng các văn bản hướng dẫn luật. Đây là cơ sở lý luận vững chắc và chi tiết được xây dựng thông qua tổng kết thực tiễn, kịp thời dự báo và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng. Đối với tội trộm cắp tài sản, trong thời gian vừa qua Thông tư số: 02/2001/TTLT-TANDTC - VKSNDTC-BCA-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp ngày 25/12/2001 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIV “các tội xâm phạm sở hữu”

trong BLHS năm 1999 về cơ bản đã giải quyết các vấn đề còn khó khăn trong việc áp dụng pháp luật hình sự. Bên cạnh đó các quy định, hướng dẫn của các cơ quan trong ngành tư pháp, các hướng dẫn của cơ quan tư pháp các địa phương đối với cấp dưới, các chủ trương của cơ quan Đảng, chính quyền trong đấu tranh chống tội phạm ở từng thời kỳ cũng là những căn cứ lý luận mang tính tham khảo quan trọng để áp dụng trong việc định tội danh, phục vụ mục đích chính trị tại các địa phương

### ***2.1.1. Cơ sở lý luận của định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản***

#### ***a) Định tội danh và các đặc điểm của định tội danh***

Trong các vấn đề lý luận, khi định tội danh đối với hành vi trộm cắp tài sản cần đặc biệt chú ý các đặc điểm sau:

Hành vi chiếm đoạt trong tội trộm cắp tài sản phải có tính chất lén lút (được thực hiện bằng thủ đoạn lén lút). “Lén lút” được hiểu là hành vi cố ý giấu diếm, vụng trộm không để lộ ra do có ý gian [21, tr.467]. “Lén lút” chiếm đoạt tài sản trong tội trộm cắp tài sản là hành vi của một người cố ý thực hiện một việc làm bất minh, vụng trộm, giấu diếm không để lộ ra cho người khác biết nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác, nó có đặc điểm khách quan là “lén lút” và ý thức chủ quan của người phạm tội cũng là “lén lút”. Hành vi chiếm đoạt được coi là “lén lút” nếu được thực hiện bằng hình thức có khả năng không cho phép chủ tài sản biết khi hành vi này xảy ra. Việc che giấu này chỉ đòi hỏi với chủ tài sản còn với những người khác người phạm tội có thể “lén lút” hoặc công khai thực hiện hành vi phạm tội, chủ tài sản có thể là chủ sở hữu tài sản hoặc người có trách nhiệm đối với tài sản (gọi là người quản lý tài sản).

#### ***b) Các yếu tố làm căn cứ trong hoạt động định tội danh***

*\* Trường hợp tài sản trộm cắp có giá trị dưới 2.000.000 đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng.*

Đây là trường hợp người phạm tội đã chiếm đoạt được tài sản, nhưng tài sản đó chỉ có giá trị dưới 2.000.000 đồng và bên cạnh đó lại gây ra hậu quả

ngghiêm trọng khác. Hậu quả ngghiêm trọng khác này có thể là những thiệt hại cụ thể về sức khỏe, tài sản hoặc ảnh hưởng ngghiêm trọng đến hoạt động của chủ tài sản.

Thiệt hại cho sức khỏe người khác cũng có thể xảy ra trong tội trộm cắp tài sản, thông thường người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội của mình một cách lén lút, nên họ không đối mặt với người chủ sở hữu, người quản lý tài sản hoặc người khác. Tuy nhiên khi hành vi trộm cắp bị phát hiện, người phạm tội có thể có hành vi hành hung để tẩu thoát, gây ra những thương tích hoặc tổn hại nhất định cho người đuổi bắt [20, tr.103].

Tội trộm cắp tài sản không chỉ gây thiệt hại cho quan hệ sở hữu thông qua hành vi lấy đi những tài sản nhất định của chủ sở hữu. Trong một số trường hợp nhất định người phạm tội còn phá huỷ hoặc gây thiệt hại đến những tài sản khác. Để lấy tài sản trong nhà, người phạm tội phải cắt khoá, cạy cửa để vào nhà; để lấy xe máy, người phạm tội phải dùng vạm phá khoá; để lấy một số bộ phận máy móc, người phạm tội phải tháo rời máy móc ra. Tính chất nguy hiểm cho xã hội của những trường hợp cụ thể này được xác định căn cứ vào giá trị tài sản bị chiếm đoạt và hậu quả ngghiêm trọng khác do hành vi trộm cắp tài sản gây ra [29, tr.372], [13, tr.20].

Theo quy định mới trong BLHS năm 2015, trường hợp trộm cắp tài sản có giá trị dưới 2 triệu đồng nhưng “gây hậu quả ngghiêm trọng” được thay bằng “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”. Và người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá dưới 2 triệu đồng nhưng “tài sản đó là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại” thì cũng bị xử lý hình sự về tội trộm cắp tài sản. Hy vọng với cách quy định mới này sẽ giúp các cơ quan tiến hành tố tụng tại quận Đống Đa thống nhất trong việc áp dụng BLHS hơn.

*\* Trường hợp tài sản trộm cắp có giá trị dưới 2.000.000 đồng nhưng người phạm tội trước đó đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt.*

Đối với những trường hợp chiếm đoạt tài sản chưa cấu thành một trong những tội chiếm đoạt tài sản được quy định trong BLHS năm 1999, theo pháp luật xử lý vi phạm hành chính người đó sẽ bị xử phạt hành chính. Căn cứ vào Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, hình thức xử phạt hành chính bao gồm: cảnh cáo, phạt tiền, trục xuất, tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm. Trong các hình thức xử phạt trên thì cảnh cáo và phạt tiền là hình thức phạt chính, tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm là hình thức phạt bổ sung, trục xuất có thể là hình thức phạt chính hoặc bổ sung.

Căn cứ vào Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, thời hạn bị coi là bị xử phạt hành chính là 06 tháng, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt cảnh cáo hoặc 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính khác hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà không tái phạm hoặc cá nhân bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, nếu trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc 01 năm kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính mà không tái phạm. Trong thời hạn trên nếu người đã bị xử phạt hành chính lại có hành vi trộm cắp tài sản và dù giá trị tài sản dưới 2.000.000 đồng, thì hành vi này cấu thành tội trộm cắp tài sản.

Có quan điểm cho rằng người trộm cắp tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng và trước đó đã bị xử lý hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản thì bắt buộc phải xử lý hình sự. Trái ngược với quan điểm trên, quan điểm thứ hai cho rằng không phải mọi trường hợp như đã nêu trên đều bắt buộc phải xử lý hình sự, còn phải xem xét đánh giá một cách toàn diện để xác định chính xác tính

chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của từng trường hợp cụ thể để xác định có cần thiết phải truy cứu TNHS hay không.

Chúng tôi cho rằng quan điểm thứ hai là hợp lý vì Điều 8, BLHS 1999 quy định: “những trường hợp tuy có dấu hiệu của tội phạm, nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể thì không phải là tội phạm và được xử lý bằng biện pháp khác”.

*\* Trường hợp tài sản trộm cắp có giá trị dưới 2.000.000 đồng nhưng người phạm tội trước đó đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản và chưa được xóa án tích.*

Chương “Các tội xâm phạm sở hữu” BLHS năm 1999 có đề cập về các tội chiếm đoạt tài sản được quy định từ Điều 133 đến Điều 145. Trường hợp người phạm tội đã bị kết án về một trong các tội chiếm đoạt tài sản và chưa được xóa án theo quy định của BLHS năm 1999, lại có hành vi trộm cắp tài sản, thì dù giá trị tài sản chiếm đoạt trong trường hợp này chưa đến 2.000.000 đồng, hành vi của họ vẫn cấu thành tội phạm. Tính chất nguy hiểm cho xã hội của trường hợp chiếm đoạt tài sản này không chỉ dựa vào giá trị tài sản đã chiếm đoạt, còn dựa vào nhân thân người phạm tội. Người phạm tội đã bị kết án, chịu sự giáo dục của Nhà nước đối với họ thông qua việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế hình sự, nhưng họ vẫn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong thời hạn chưa được xóa án tích thì dù giá trị tài sản dưới 2.000.000 đồng vẫn cần thiết phải truy cứu TNHS.

Bên cạnh đó BLHS năm 2015 mới ban hành quy định về vấn đề này có rõ hơn, toàn diện hơn về tình tiết định tội khi tài sản trộm cắp có giá trị dưới 2 triệu đồng. Theo đó, nếu BLHS hiện hành quy định “đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt” thì BLHS 2015 sửa đổi thành “đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản”. Nếu BLHS hiện hành quy định “đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm” thì BLHS 2015 sửa đổi thành “đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định



tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”.

\* *Trường hợp một người thực hiện nhiều lần cùng loại hành vi trộm cắp tài sản*, nhưng mỗi lần giá trị tài sản bị xâm phạm dưới mức tối thiểu để truy cứu TNHS theo quy định của Bộ luật hình sự và không thuộc một trong các trường hợp khác để truy cứu TNHS (gây hậu quả nghiêm trọng; đã bị xử phạt hành chính; đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích...). Đồng thời, trong các hành vi xâm phạm đó chưa lần nào bị xử phạt hành chính và chưa hết thời hiệu xử phạt hành chính, nếu tổng giá trị tài sản các lần bị xâm phạm bằng hoặc trên mức tối thiểu để truy cứu TNHS.

Trong trường hợp này, theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 02/TTLT-TANDTC – VKSNDTC – BCA - BTP, người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhiều lần, phải bị truy cứu TNHS về tội trộm cắp tài sản tương ứng theo tổng giá trị tài sản các lần bị xâm phạm, nếu:

Thứ nhất, các hành vi trộm cắp tài sản được thực hiện một cách liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian.

Thứ hai, việc thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản có tính chất chuyên nghiệp, lấy tài sản trộm cắp làm nguồn sống chính.

Thứ ba, với mục đích trộm cắp tài sản, nhưng do điều kiện hoàn cảnh khách quan, nên việc trộm cắp tài sản được thực hiện nhiều lần, nên giá trị tài sản bị xâm phạm mỗi lần dưới 2.000.000 đồng.

Cần chú ý là trong các trường hợp trên, nếu chỉ căn cứ vào các hành vi trộm

cắp cùng loại thì không áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” (điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS 1999) và cũng không áp dụng tình tiết định khung hình phạt “có tính chất chuyên nghiệp” quy định tại khoản 2 Điều 138 BHHS 1999. Trong trường hợp có tình tiết khác định khung hình phạt, thì áp dụng vào khoản tương ứng của Điều 138 có quy định tình tiết định khung hình phạt đó.

*\* Việc áp dụng hướng dẫn tình tiết “hành hung để tẩu thoát” và chuyển hóa từ tội trộm cắp tài sản sang tội cướp tài sản.*

Theo quy định tại mục 6 Phần I Thông tư liên tịch số 02/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BCA - BTP thì:

“6. Khi áp dụng tình tiết "hành hung để tẩu thoát" (điểm đ khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 2 Điều 137; điểm đ khoản 2 Điều 138 BLHS) cần chú ý:

6.1. Phạm tội thuộc trường hợp "hành hung để tẩu thoát" là trường hợp mà người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc đã chiếm đoạt được tài sản, nhưng bị phát hiện và bị bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ thì đã có những hành vi chống trả lại người bắt giữ hoặc người bao vây bắt giữ như đánh, chém, bắn, xô ngã... nhằm tẩu thoát.

6.2. Nếu người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc đã chiếm đoạt được tài sản, nhưng đã bị người bị hại hoặc người khác giành lại, mà người phạm tội tiếp tục dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công người bị hại hoặc người khác nhằm chiếm đoạt cho được tài sản, thì trường hợp này không phải là "hành hung để tẩu thoát" mà đã có đầy đủ các dấu hiệu cấu thành tội cướp tài sản”.

Quy định này nhằm xử lý hành vi của người phạm tội cố ý giữ tài sản chiếm đoạt mặc dù đã bị phát hiện và giữ lại tài sản. Tuy nhiên, việc áp dụng quy định này tại quận Đống Đa có một số vướng mắc như sau:

Một là, trường hợp người phạm tội đã chiếm đoạt được tài sản thì khoảng thời gian từ khi chiếm đoạt được đến khi bị phát hiện, bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ hoặc bị giành lại là bao lâu? Trường hợp người phạm tội đã bỏ đi vài giờ thì mới bị phát hiện, có được xem xét, áp dụng tính tiết này không? Chúng tôi cho rằng, chỉ áp dụng các quy định tại mục 6 Phần I Thông tư liên tịch số 02 khi thời gian từ khi chiếm đoạt được đến khi bị phát hiện, bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ hoặc bị giành lại không được kéo dài, bởi vì khi đó, tội phạm đã hoàn thành và hành vi chống trả của người phạm tội đối với việc bị phát hiện, bắt giữ

hoặc bị bao vây bắt giữ hoặc bị giành lại không còn ý nghĩa. Do đó, đề xuất một trong hai cách sau: thay cụm từ “đã chiếm đoạt được tài sản” bằng cụm từ “ngay sau khi chiếm đoạt tài sản” hoặc là bỏ hẳn cụm từ “đã chiếm đoạt được tài sản” để tránh gây khó khăn trong việc áp dụng.

Hai là, quy định tại tiểu mục 6.2 mục 6 Phần I Thông tư liên tịch số 02 gây khó hiểu bởi vì sau khi chiếm đoạt được tài sản thì người phạm tội bị giành lại tài sản thì trong trường hợp này người phạm tội dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc nhằm “giữ cho được tài sản chiếm đoạt được và tẩu thoát” chứ không phải “chiếm đoạt cho được tài sản” vì hành vi chiếm đoạt đã thực hiện xong. Hơn nữa, việc sử dụng thuật ngữ “tiếp tục” dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc cũng chưa phù hợp bởi vì trong tội trộm cắp tài sản thì người phạm tội không có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc nên việc người phạm tội bị bắt giữ mà dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực chỉ mới lần đầu chứ không phải lần thứ hai.

Ba là, quy định của tiểu mục 6.1 và tiểu mục 6.2 mục 6 Phần I Thông tư liên tịch số 02 gây khó khăn cho việc vận dụng. Chúng ta thấy rằng, việc chia mục 6 thành tiểu mục 6.1 và tiểu mục 6.2 thực chất là để phân biệt trường hợp người phạm tội vì sợ bị bắt giữ nên “bỏ của chạy lấy người” với trường hợp người phạm tội ngoan cố, cố tình chống trả nhằm giữ cho được tài sản mà mình chiếm đoạt được. Thực tiễn chỉ ra rằng, cả trường hợp tẩu thoát và cố giữ tài sản để tẩu thoát thì người phạm tội có thể dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc. Cho nên, việc quy định có những hành vi chống trả... như đánh, chém, bắn, xô ngã... (tiểu mục 6.1) và dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc (tiểu mục 6.2) thực chất đều là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực.

\* *Vấn đề xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong tội trộm cắp tài sản.* Thực tiễn xét xử cho thấy, việc định giá tài sản trong tội trộm cắp tài sản nói riêng và trong các tội xâm phạm sở hữu nói chung, rất khó khăn vì tài sản này nhiều khi không còn tồn tại trên thực tế do nhiều nguyên nhân khác nhau hoặc

nếu tài sản tồn tại, thì cũng thuộc nhiều chủng loại và trong những trạng thái khác nhau như thật, giả, cũ, mới và tài sản này có giá trị khác nhau trong các thời điểm.

Chúng tôi đồng tình với quan điểm trên ở chỗ, xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong tội trộm cắp tài sản là không đơn giản, nhất là trường hợp tài sản không còn tồn tại. Theo quan điểm của chúng tôi, nếu dựa vào các chứng cứ cụ thể của vụ án như lời khai của người bị hại, người làm chứng, chủng loại, tình trạng tài sản, mức giá tại thời điểm tội trộm cắp tài sản xảy ra vẫn xác định đúng giá trị tài sản bị chiếm đoạt. Mặt khác, để xác định đúng giá trị tài sản, cần nghiên cứu hướng dẫn tương ứng trong Thông tư 02/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25 tháng 12 năm 2001: “Giá trị tài sản bị chiếm đoạt được xác định theo giá thị trường của tài sản đó tại địa phương vào thời điểm tài sản bị chiếm đoạt”; hoặc “Để xác định đúng giá trị tài sản bị xâm phạm trong trường hợp tài sản bị xâm phạm không còn nữa, cơ quan điều tra cần lấy lời khai của những người biết về tài sản này để xác định đó là tài sản gì; nhãn mác của tài sản đó như thế nào; giá trị tài sản đó theo thời giá thực tế tại địa phương vào thời điểm tài sản bị xâm phạm là bao nhiêu; tài sản đó còn khoảng bao nhiêu phần trăm để trên cơ sở đó có kết luận cuối cùng về giá trị tài sản bị xâm phạm”.

Kết quả định giá tài sản bị chiếm đoạt trong tội trộm cắp của Hội đồng định giá hiện nay thường là một mức giá cụ thể. Chúng tôi cho rằng trong trường hợp phức tạp có thể định giá bằng một khung giá trị nhất định với mức tối đa và mức tối thiểu cụ thể.

Như vậy, trong lý luận về định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản cần nắm vững kiến thức lý luận về hình sự, lưu ý các trường hợp dễ dẫn đến nhầm lẫn trong đánh giá các tình huống của thực tiễn, tạo hiệu quả cao trong việc đối chiếu các tình tiết của vụ án với các đặc điểm, các dấu hiệu của cấu thành tội phạm. Dựa vào cơ sở lý luận về phân biệt tội trộm cắp tài sản với một số tội

khác như đã phân tích ở Chương 1 để đánh giá khách quan các sự kiện, tình tiết trong vụ án để đi đến kết quả của việc định tội danh một cách chính xác nhất.

*c) Ý nghĩa của hoạt động định tội danh*

Định tội danh là một vấn đề rất quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, là tiền đề cho việc phân hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hoá hình phạt một cách công minh, chính xác, đồng thời làm cơ sở cho việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xác định thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng... góp phần đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, bảo vệ pháp luật, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi công dân. Việc định tội danh sai sẽ dẫn đến hậu quả rất lớn, đặc biệt là không đảm bảo được tính có căn cứ của hình phạt được tuyên, xét xử không đúng người đúng tội, không đúng pháp luật. Đây cũng là một nguyên nhân của tình trạng oan, sai đang tồn tại.

**2.1.2. Thực tiễn định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn quận Đống Đa giai đoạn 2011-2015**

*a) Tình hình xét xử tội phạm và tội trộm cắp tài sản trên địa bàn quận Đống Đa giai đoạn 2011-2015*

Tình hình áp dụng Điều 138 BLHS năm 1999 trên địa bàn quận Đống Đa – thành phố Hà Nội từ 2011 đến 2015 được thể hiện tập trung tại Bảng 2.1 và 2.2 sau đây.

*Bảng 2.1. Tổng quan tình hình áp dụng tội danh - Điều 138 BLHS năm 1999 trên địa bàn quận Đống Đa và trên toàn thành phố Hà Nội từ 2011 đến 2015*

Năm	Quận Đống Đa		Thành phố Hà Nội		Tỷ lệ %	
	Số vụ/ số bị cáo trộm cắp tài sản (1)	Số vụ/số bị cáo phạm tội nói chung (2)	Số vụ/ số bị cáo trộm cắp tài sản (3)	Số vụ, số bị cáo phạm tội nói chung (4)	(1)/(2)	(3)/(4)
2011	98/118	634/765	1.026/1.275	7.652/8.097	15,46/15,42	13,4/15,7

<b>2012</b>	115/134	794/1141	1.257/1.503	8.165/9.375	14,48/11,74	15,39/16,03
<b>2013</b>	139/181	762/1042	1.369/1.526	8.664/9.819	18,24/17,37	15,8/15,54
<b>2014</b>	111/136	585/807	1.312/1.497	8.211/9.601	18,97/16,85	15,98/15,6
<b>2015</b>	84/156	718/897	1.287/1.438	7.989/8.855	11,7/11,81	16,1/16,24
<b>Tổng</b>	547/675	3493/4652	6.251/7.239	40.681/45.747	15,66/14,5	15,36/15,82

*Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Tòa án nhân dân quận  
Đống Đa – thành phố Hà Nội.*

Trong 5 năm (từ 2011-2015), TAND quận Đống Đa đã xét xử tổng cộng 547 vụ - 675 bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản, trong đó cho hưởng án treo 148 bị cáo, xử phạt tù có thời hạn 527 bị cáo. Ngoài ra không áp dụng hình phạt nào khác. Cụ thể:

Năm 2011, xét xử 98 vụ/118 bị cáo trong đó xử phạt tù có thời hạn 91 bị cáo, cho hưởng án treo 27 bị cáo

Năm 2012, xét xử 115 vụ/134 bị cáo, trong đó xử phạt tù có thời hạn 105 bị cáo, cho hưởng án treo 29 bị cáo

Năm 2013, xét xử 139 vụ/181 bị cáo, trong đó xử phạt tù có thời hạn 139 bị cáo, cho hưởng án treo 42 bị cáo

Năm 2014, xét xử 111 vụ/136 bị cáo, trong đó xử phạt tù có thời hạn 111 bị cáo, cho hưởng án treo 25 bị cáo

Năm 2015, xét xử 84 vụ/106 bị cáo, trong đó xử phạt tù có thời hạn 81 bị cáo, cho hưởng án treo 25 bị cáo.

*b) Thực tiễn định tội danh tội trộm cắp tài sản trên địa bàn quận Đống Đa  
giai đoạn 2011-2015*

*\* Trường hợp tài sản trộm cắp có giá trị dưới 2.000.000 đồng nhưng người phạm tội trước đó đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản và chưa được xóa án tích.*

Ngày 24 tháng 6 năm 2015, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 266/2015/HSST ngày 28 tháng 5 năm 2015 đối với bị cáo: Mai Bích Hà - sinh năm: 1983, tại Hà Nội; Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: P519 nhà 5B Tập thể Đại học Công Đoàn, phường Quang Trung, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông: Mai Xuân Báu (đã chết); Con bà Ứng Thị Minh; Chồng: Lê Hồng Chung (đã ly hôn); có 2 con: lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, Tiền sự: - Ngày 28/4/2014 Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xử 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (được hoãn thi hành án phạt tù đến ngày 01/10/2017). Danh chỉ bản số 227 lập ngày 27/3/2015 tại Công an quận Đống Đa. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

*Nội dung vụ án như sau:* Khoảng 19h30' ngày 21/9/2014, tại siêu thị Minh Hoa - Công ty TNHH Minh Hoa, địa chỉ số 12 Đặng Tiến Đông, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội, Mai Bích Hà đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01

hộp sữa Enfagrow A+ giai đoạn 4 trị giá 200.000 đồng của siêu thị. Nhân thân bị cáo ngày 28/4/2014 đã có 01 tiền án: Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xử 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản. Do đó Viện Kiểm sát nhân dân quận Đống Đa truy tố bị cáo tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là do tham lam thích hưởng lợi bất chính nên bị cáo đã trộm cắp tài sản, mục đích lấy tài sản của người khác để sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Mặc dù trị giá tài sản bị

cáo trộm cắp không lớn chưa đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng do nhân thân bị cáo đã có 01 tiền án chưa thi hành, do đó lần phạm tội này bị cáo bị định tội Trộm cắp tài sản là đúng theo quy định tại khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự.

*Tòa án nhân dân quận Đống Đa tuyên bố:* Bị cáo **Mai Bích Hà** phạm tội **Trộm cắp tài sản**. **Áp dụng:** Khoản 1 điều 138; Điểm g, l, p Khoản 1 Điều 46; Điều 47; khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 99, 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử phạt: Mai Bích Hà 3.000.000đ (ba triệu đồng)** về tội Trộm cắp tài sản.

Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa đã kháng nghị đối với bản án của Tòa án nhân dân quận Đống Đa tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Mai Bích Hà. Bản án số 480/2015/HSPT ngày 26/08/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử như sau:

Căn cứ điểm b khoản 2 điều 248, khoản 3 điều 249 BLHS, quyết định:

Chấp nhận kháng nghị của viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa và sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng Khoản 1 Điều 138, khoản 1 Điều 31, Điểm g, l, p khoản 1, khoản 2

Điều 46; Điểm b khoản 1 Điều 50, Điều 51 BLHS

Xử phạt Mai Bích Hà 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản, được quy đổi bằng 02 (hai) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 09 (chín) tháng tù tại bản án số 126/2014/HSST ngày 28/4/2014 của TAND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Buộc: bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 11 (mười một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

*\* Trường hợp một người thực hiện nhiều lần cùng loại hành vi trộm cắp tài sản*



Ngày 11 tháng 09 năm 2015, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 282/2015/HSST ngày 15 tháng 06 năm 2015 đối với bị cáo: Nguyễn Đình Nho - sinh năm: 1990, tại Hà Tĩnh; ĐKKHKT: Xóm Hạ, xã Thạch Hạ, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi ở: Phòng 305, số nhà 834 Trương Định, phường Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội; Nghề nghiệp: Kinh doanh quần áo; Văn hóa:12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Đình Chương; Con bà: Lê Thị Hà; Tiền án, tiền sự: Ngày 25/10/2004 Trộm cắp tài sản, Công an thị xã Hà Tĩnh bắt; Danh chỉ bản số 71 do Công an quận Đống Đa lập ngày 30/12/2014; Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 27/12/2014.

*Nội dung vụ án như sau:* Khoảng 14 giờ ngày 26/12/2014, tại khu nhà trọ số 91 ngõ 185 phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội, Nguyễn Đình Nho đã dùng kim thủy lực cắt khóa phòng trọ và lén lút chiếm đoạt được 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Asus trị giá 9.000.000 đồng của chị Trần Thị Phượng và bị phát hiện bắt quả tang.

Ngoài ra, Nguyễn Đình Nho khai nhận trong khoảng thời gian từ 13/3/2014 đến ngày bị bắt, cũng bằng thủ đoạn sử dụng kim thủy lực để cắt khóa cửa các phòng trọ, Nho đã mười lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của 26 người bị hại với trị giá tài sản là 109.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản Nguyễn Đình Nho chiếm đoạt của 29 người bị hại là: 118.000.000 đồng.

Tòa án nhân dân quận Đống Đa tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đình Nho** phạm tội **Trộm cắp tài sản**. *Áp dụng:* Điểm e khoản 2 điều 138; điểm b, p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 99, 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

**Xử phạt: Nguyễn Đình Nho 42** (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2014.

*\* Trường hợp tài sản trộm cắp có giá trị dưới 2.000.000 đồng nhưng người phạm tội trước đó đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt.*

Ngày 30 tháng 10 năm 2013, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 548/2013/HSST ngày 11 tháng 10 năm 2013 đối với bị cáo: **Trịnh Thị Mơ**, sinh năm 1990; ĐKKHKT: Đội 3, xã Hoàng Khê, huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa. Nơi ở: Không cố định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Con ông: Trịnh Văn Lương và con bà Trương Thị Gấm; Tiền án, tiền sự: 02 tiền án, 01 tiền sự: Ngày 10/4/2011, Công an phường Trung Hòa xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản; Ngày 25/10/2011, Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Tang vật trị giá 6.600.000 đồng); Ngày 04/02/2013, Tòa án nhân dân quận Đống Đa xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Tang vật trị giá 956.000 đồng). Ra trại: 29/5/2013. Danh chỉ bản: 821 ngày 21/08/2013 do Công an Đống Đa lập. Bị bắt ngày 21/8/2013. Bị cáo đang bị tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

*Nội dung vụ án như sau:* Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 21-8-2013, tại Giảng đường 202 nhà C, Trường Đại học Luật Hà Nội, phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội, Trịnh Thị Mơ đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 800.000 đồng tiền mặt của chị Nguyễn Thị Oanh (sinh năm 1992, HKTT: Thanh Thủy, Thanh Hà, Hải Dương) và 100.000 đồng tiền mặt, 01 lọ mỹ phẩm trị giá 20.000 đồng của chị Nguyễn Thị Phương Anh (sinh năm 1993, Hộ khẩu thường trú: tổ 16, phường Bò Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình). Tổng trị giá tài sản Mơ trộm cắp là 920.000 đồng. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trịnh Thị Mơ phạm tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Nhân thân bị cáo xấu, đã có 02 tiền án đều về hành vi Trộm cắp tài sản, phạm tội lần này là cố ý. Mặc dù trị giá tài sản bị chiếm đoạt không lớn và không tính tái phạm nhưng là tình tiết định tội đối với bị cáo nên cần phải xử lý nghiêm khắc

mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân lương thiện và đề răn đe phòng ngừa chung.

**Tòa án nhân dân quận Đống Đa tuyên bố:** Bị cáo **Trịnh Thị Mơ** phạm tội “Trộm cắp tài sản”. **Áp dụng:** khoản 1 điều 138, điểm p khoản 1 và khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 99, 228, 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27-2-2009 về án phí, lệ phí của ủy ban thư-ờng vụ Quốc Hội.

**Xử phạt:** Bị cáo Trịnh Thị Mơ **08 (tám)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/08/2013.

## **2.2. Quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản**

### **2.2.1. Cơ sở lý luận của quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản**

*\* Vấn đề quyết định hình phạt trường hợp người phạm tội trộm cắp tài sản có nhiều tình tiết định khung tăng nặng*

Trường hợp người phạm tội trộm cắp tài sản có nhiều tình tiết định khung tăng nặng không chỉ có một tình tiết định khung tăng nặng mà lại có đồng thời nhiều tình tiết định khung tăng nặng. Về vấn đề này hiện có hai quan điểm khác nhau:

Quan điểm thứ nhất cho rằng, trong trường hợp trộm cắp tài sản có nhiều tình tiết tăng nặng định khung, thì cần thiết phải chuyển sang khung hình phạt nặng hơn.

Quan điểm thứ hai cho rằng, trong trường hợp trộm cắp tài sản kể trên chỉ cần xử phạt người phạm tội trộm cắp tài sản ở mức cao trong khung đã quy định.

Có quan điểm lại cho rằng, trong trường hợp người phạm tội trộm cắp tài sản có nhiều tình tiết tăng nặng định khung được quy định tại khoản 2 Điều 138 BLHS 1999, như vừa trộm cắp tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, vừa thực hiện tội phạm bằng hình thức có tổ chức, thì vẫn phải xử lý theo khung 2. Không thể vì có nhiều tình tiết của khung 2, mà chuyển sang xử lý theo khung 3,

vì việc này vi phạm nguyên tắc pháp chế XHCN. Tương tự như vậy, đối với trường hợp người phạm tội trộm cắp tài sản có nhiều tình tiết tăng nặng định khung tại Khoản 3 Điều 138 BLHS 1999, cơ quan có thẩm quyền vẫn phải trên cơ sở quy định tại khung 3 và các quy định khác có liên quan để xử lý hình sự.

*\* Vấn đề áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS “tự nguyện khắc phục hậu quả”*

Sau khi phạm tội trộm cắp tài sản và hành vi phạm tội này được phát hiện, người phạm tội hoặc người thân thích của người phạm tội mang tiền hoặc tài sản đến bồi thường cho người bị hại. Trong trường hợp người phạm tội mang tiền hoặc tài sản đến bồi thường cho người bị hại, quan niệm chung đều cho rằng đây là trường hợp người phạm tội đã tự nguyện khắc phục hậu quả. Tuy nhiên đối với trường hợp người thân thích của người phạm tội như cha, mẹ, vợ, chồng, anh, em có hành động kể trên thì có nhiều quan điểm khác nhau.

Quan điểm thứ nhất cho rằng người phạm tội không trực tiếp thực hiện hành vi bồi thường nên không thể coi đó là tự nguyện khắc phục hậu quả và do đó không thể áp dụng tình tiết này để giảm nhẹ TNHS.

Quan điểm thứ hai cho rằng, tuy người phạm tội không trực tiếp thực hiện hành vi bồi thường nhưng hành vi này được những người thân thích của người phạm tội trong gia đình thực hiện thì vẫn được coi là đã tự nguyện khắc phục hậu quả [8, tr.27].

Có quan điểm lại cho rằng khi những người thân thích trong gia đình của người phạm tội có hành động bồi thường sau khi phạm tội và trước khi Tòa tuyên án, thì đều phải coi là có hành vi đã tự nguyện khắc phục hậu quả và áp dụng tình tiết này theo khoản 1 Điều 46 BLHS 1999, để giảm nhẹ TNHS cho người phạm tội, dù người phạm tội có yêu cầu người thân thích trong gia đình thực hiện hành động đó hay không.

*\* Việc áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo*

Ngoài các tồn tại kể trên trong thực tiễn áp dụng đường lối xử lý chung để xét xử người phạm tội trộm cắp tài sản tại Tòa án nhân dân quận Đống Đa còn vướng mắc về áp dụng hình phạt tiền đối với các trường hợp phạm tội trộm cắp tài sản. Theo khoản 5 Điều 138 BLHS 1999, hình phạt tiền có thể áp dụng đối với người phạm tội trộm cắp tài sản với tính chất là hình phạt bổ sung, bên cạnh hình phạt chính khác để bảo đảm các mục đích của hình phạt. Mức phạt tiền đối với người phạm tội trộm cắp tài sản là từ 5 triệu đồng tới 50 triệu đồng. Thực tiễn xét xử cho thấy, tại quận Đống Đa trong 05 năm trở lại đây chưa từng áp dụng hình phạt tiền với tính cách là hình phạt bổ sung bên cạnh hình phạt chính khác để nâng cao hiệu quả của hình phạt đối với người phạm tội trộm cắp tài sản.

Trong BLHS 1999, hình phạt tiền được quy định là hình phạt chính đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, trật tự công công và trật tự quản lý hành chính, việc áp dụng hình phạt tiền đối với người phạm tội trộm cắp tài sản nói riêng và các tội xâm phạm sở hữu nói chung còn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau [17, tr.13].

\* Quan điểm thứ nhất cho rằng, hình phạt tiền được quy định như hiện nay đối với tội trộm cắp tài sản là hợp lý. Bên cạnh các hình phạt chính như cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, tù chung thân, hình phạt tiền được quy định với tính chất là một hình phạt bổ sung. Người phạm tội trộm cắp tài sản ngoài các hình phạt chính trên vẫn có thể bị Tòa án phạt tiền với mức từ 5 triệu đồng tới 50 triệu đồng. Như vậy, các mục đích của hình phạt như giáo dục và trừng trị người phạm tội trộm cắp tài sản vẫn đạt được thông qua các hình phạt chính và hình phạt tiền.

\* Quan điểm thứ hai cho rằng, cần thiết phải bổ sung quy định về hình phạt đối với người phạm tội trộm cắp tài sản, trong đó phạt tiền được quy định với tính chất là hình phạt chính và bổ sung vì những lý do sau đây: thứ nhất, đối với các tội phạm, người phạm tội khi thực hiện hành vi phạm tội có ý thức không

tôn trọng hoặc coi thường quyền sở hữu của người khác hoặc phạm tội vì mục đích mưu cầu lợi ích vật chất cho bản thân và gia đình thì cần thiết phải quy định phạt tiền; thứ hai, đối với những trường hợp phạm tội trộm cắp tài sản, nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không lớn thì nên quy định phạt tiền là hình phạt chính.

Qua nghiên cứu tình hình áp dụng hình phạt tiền đối với người phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn quận Đống Đa, chúng tôi thấy quan điểm thứ hai phù hợp hơn trong hoàn cảnh đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay. Tội trộm cắp tài sản là tội phạm gián tiếp xâm phạm đến trật tự kinh tế của Nhà nước. Tội phạm này lại là loại tội phạm có tính phổ biến trên địa bàn cả nước. Tại những địa phương khi tội phạm này xảy ra nhiều, tình hình trật tự, an toàn xã hội xấu đi một cách đáng kể. Vì những lý do như vậy cần thiết phải quy định bổ sung phạt tiền là hình phạt chính trong Điều 138 BLHS năm 1999 để mở rộng khả năng pháp lý đấu tranh có hiệu quả đối với loại hình tội phạm này.

### **2.2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn quận Đống Đa giai đoạn 2011-2015**

#### a) Tổng quan

**Bảng 2. 2.** Tổng quan tình hình áp dụng hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn quận Đống Đa giai đoạn 2011 – 2015

Năm	Tổng số bị cáo	Miễn hình phạt	Phạt tiền	Cảnh cáo	Cải tạo không giam giữ	Án treo	Tù dưới 7 năm	Tù trên 7 năm đến 15 năm	Hình phạt bổ sung
2011	118	0	0	0	0	27	89	02	0
2012	134	0	0	0	0	29	103	02	0
2013	181	0	0	0	02	40	136	03	0

<b>2014</b>	136	0	0	0	02	23	107	04	0
<b>2015</b>	106	0	01	0	05	19	72	09	0
<b>Tổng</b>	675	0	<b>01</b>	<b>0</b>	<b>09</b>	<b>138</b>	<b>507</b>	<b>20</b>	<b>0</b>

*Nguồn: Tòa án nhân dân quận Đống Đa - thành phố Hà Nội*

*b) Quyết định hình phạt đối với người phạm tội trộm cắp tài sản theo Điều 138 BLHS.*

*\* Vấn đề quyết định hình phạt trường hợp người phạm tội trộm cắp tài sản có nhiều tình tiết định khung tăng nặng*

Ngày 24/01/2014, tại Nhà văn hóa phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Tòa án nhân dân quận Đống Đa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2014/HSST ngày 14/01/2014 đối với bị cáo: **Đặng Văn Chính**, sinh năm 1984; Đăng ký NKTT: Thôn Văn Hòa, xã Hữu Bằng, Kiến Thụy, Hải Phòng. Nơi ở: Như trên. Nghề nghiệp : không; Trình độ văn hoá: 09/12; Con ông: Đặng Văn Chương; Con bà: Đào Thị Tập; Tiền án, tiền sự: có 02 tiền án: - Ngày 03/12/2003, Tòa án nhân dân quận Kiến Thụy, Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù giam về tội Cưỡng đoạt tài sản, án số 44/HSST, ra trại ngày: 27/11/2005. - Ngày 21/03/2008, Tòa án nhân dân quận Kiến An, Hải Phòng xử phạt 48 tháng tù giam về tội Cướp tài sản, án số 20/HSST, ra trại ngày: 30/8/2010. Danh chỉ bản: số 957 lập ngày 28/10/2013 do Công an quận Đống Đa, Hà Nội lập. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 28/10/2013 có mặt tại phiên toà.

*Nội dung vụ án như sau:* Khoảng 02 giờ ngày 28/10/2013, trên chuyến tàu SP 4 đi từ Lào Cai về Hà Nội tại phòng số 01, toa số 01 bị cáo Đặng Văn Chính đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 ví da trị giá 50.000 đồng, 01 túi xách trị giá 50.000 đồng, 01 Ipad 3 trị giá 7.000.000 đồng; 03 USD và 3.700.000 đồng của chị Phạm Thị Quế. Quá trình điều tra còn xác định được khoảng 21 giờ ngày 26/10/2013 tại phòng số 7, toa 13, tàu SP 3, Chính có hành vi lén lút chiếm đoạt

của chị Hoàng Thanh Nga 01 điện thoại Iphone 4S trị giá 6.000.000 đồng và 1.600.000 đồng. Theo tỷ giá USD ngày 28-10-2013, 01 USD tương đương 21.070 đồng. Theo kết luận định giá tài sản số 448 ngày 31-10-2013 của Hội đồng định giá quận Đống Đa, Hà Nội. Tổng giá trị tài sản của hai lần trộm cắp của bị cáo là: 18.463.210 đồng. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đặng Văn Chính phạm tội Trộm cắp tài sản, tội và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 điều 138 Bộ luật hình sự.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân.

Về nhân thân, bị cáo có 02 tiền án: Ngày 03/12/2003, Tòa án nhân dân Huyện Kiến Thụy, Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù giam về tội Cường đoạt tài sản tại Bản án số 44/2003/HSST, ra trại ngày: 27/11/2005. - Ngày 21/03/2008, Tòa án nhân dân quận Kiến An, Hải Phòng xử phạt 48 tháng tù giam về tội Cướp tài sản tại bản án số 20/2008/HSST, ra trại ngày: 30/8/2010. Tại bản án số 20/2008/HSST đã xác định bị cáo là tái phạm. Tiền án này đến nay chưa được xóa nên lần này bị cáo phạm tội trong thời gian khi chưa xóa án tích được xác định là tái phạm nguy hiểm – là tình tiết định khung theo qui định tại điểm c khoản 2 điều 138 Bộ luật hình sự. Do đó, lần phạm tội này của bị cáo được xác định hành vi phạm tội của bị cáo là tái phạm nguy hiểm. Hơn nữa, bị cáo đã nhiều lần phạm tội, thể hiện nhân thân bị cáo rất xấu, đã được cơ quan pháp luật giáo dục nhiều lần nhưng bị cáo không tự cải tạo mình mà còn liên tiếp phạm tội mới. Đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

**Tòa án nhân dân quận Đống Đa tuyên bố:** Bị cáo **Đặng Văn Chính** phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 76, 99, 228, 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27-2-2009 về án phí, lệ phí của ủy ban thường vụ Quốc Hội.



**Xử phạt: Đặng Văn Chính 34** (ba mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày: 28/10/2013.

*\* Vấn đề áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS “tự nguyện khắc phục hậu quả”*

Ngày 10/02/2015, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội. Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 43 /2015/HSST ngày 27 tháng 01 năm 2015 đối với bị cáo: Đỗ Thị Ngọc Ánh – sinh năm 1990; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú tại: Xóm Quyết Thắng, thôn Đức Hiệp, xã Hiệp Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; Trú tại: Xóm Quyết Thắng, thôn Đức Hiệp, xã Hiệp Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Không; Văn hoá: 12/12; Con ông: Đỗ Đức Khánh; con bà: Nguyễn Thị Sâm; Danh chỉ bản số 669 lập ngày 15/9/2014 tại công an quận Đống Đa; Tiền án tiền sự: - Không; Bắt tạm giữ ngày 27/8/2014; Hủy bỏ biện pháp tạm giữ: 05/9/2014; Bị cáo tại ngoại; Có mặt tại phiên toà.

*Nội dung vụ án như sau:* Khoảng 7h30 ngày 26/8/2014, Đỗ Thị Ngọc Ánh phát hiện phòng số 7, số nhà 65 ngõ 43 Chùa Bộc, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội của anh Trịnh Duy Thắng( sinh năm 1994, trú tại: địa chỉ trên) không khóa cửa, trong phòng không có ai. ánh lên vào trộm cắp 01 chiếc máy tính xách tay hiệu Dell 5547 màu bạc cùng bộ cắm sạc của anh Thắng để trên bàn học. Sau đó, ánh gọi điện cho Nguyễn Văn Học (hiện chưa xác định được) và hỏi nơi bán. Theo chỉ dẫn của Học, Ánh mang chiếc máy tính trên bán cho anh Trương Văn Hùng (sinh năm 1982, trú tại: Cổ Trai, Đại Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội) chủ cửa hàng số 125 Trần Đại Nghĩa, Bách Khoa, Hà Nội) được 7.000.000 đồng. Số tiền này Ánh đưa hết cho Học.

Sau khi mua máy tính của Ánh, anh Hùng đã bán cho khách hàng không quen biết nên cơ quan điều tra không thu hồi được.

Ngày 27/8/2014, Đỗ Thị Ngọc Ánh đến công an phường đầu thú và khai nhận hành vi trộm cắp như trên.

Theo kết luận định giá số 378 ngày 12/9/2014 của Hội đồng định giá tài sản quận Đống Đa kết luận: 01 máy tính xách tay hiệu Dell N5547 và 01 bộ cẩm sọc có trị giá 10.000.000 đồng.

**Tòa án nhân dân quận Đống Đa tuyên bố:** Bị cáo Đỗ Thị Ngọc Ánh phạm tội Trộm cắp tài sản.

**Áp dụng:** Khoản 1, Điều 138; điểm b,p,h khoản 1, khoản 2 điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự.

**Xử phạt :** Bị cáo Đỗ Thị Ngọc Ánh 08( Tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo về ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình để quản lý và giáo dục trong hạn thử thách của bản án.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại là anh Trịnh Duy Thắng đã nhận bồi thường đầy đủ và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Đức Khánh không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

## **Tiểu kết Chương 2**

Trong chương này, tác giả tập trung vào việc phân tích, đánh giá về mặt lý luận hoạt động định tội danh, quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản. Đồng thời, đề tài cũng tập trung phân tích thực trạng những vi phạm, tội phạm trộm cắp tài sản và vấn đề định tội danh, quyết định hình phạt trên thực tế trong khoảng thời gian 5 năm từ năm 2011 đến năm 2015 tại địa bàn quận Đống Đa – TP. Hà Nội để làm rõ hơn bức tranh về tội phạm trộm cắp tài sản hiện nay.

Hai hoạt động quan trọng là định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản được tác giả giải quyết cả về mặt lý luận và thực tiễn trong Chương 2 sẽ làm tiền đề cho việc đưa ra những đề xuất một cách xác đáng trong chương tiếp theo. Để phát hiện, xử lý những hành vi vi phạm thì cần có các cơ quan chuyên trách; trong phạm vi đề tài luận văn, tác giả tập trung phân tích hoạt động trên thực tế của cơ quan tiến hành tố tụng, mà quan trọng nhất là cơ quan Toà án nhân dân quận Đống Đa. Đây là một trong các cơ quan có thể định tội danh đối với hành vi trộm cắp tài sản và là cơ quan duy nhất có thẩm quyền quyết định hình phạt trên địa bàn quận Đống Đa.

### Chương 3

## CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN

### 3.1. Hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản

Việc tìm hiểu và đánh giá đúng các quy định của BLHS về tội trộm cắp tài sản có một ý nghĩa vô cùng quan trọng trong lý luận cũng như thực tiễn áp dụng luật hình sự, qua đó là cơ sở vững chắc để đánh giá tính chất, mức độ thực hiện tội phạm và là cơ sở để truy cứu TNHS cũng như buộc người phạm tội phải chịu TNHS về hành vi phạm tội của mình.

BLHS năm 1999 đã kế thừa và phát triển từ những nội dung của tội trộm cắp tài sản trong lịch sử lập pháp cũng như trong luật hình sự của một số nước trên thế giới nhằm đáp ứng đầy đủ cả về mặt lý luận và thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống đối với loại tội phạm này.

Quy định của BLHS hiện hành về tội trộm cắp tài sản vẫn còn gặp một số vướng mắc trong thực tiễn áp dụng, đặt ra yêu cầu đối với nhà làm luật là phải nghiên cứu, sửa đổi cho phù hợp nhằm đảm bảo những đòi hỏi của nguyên tắc pháp chế, cũng như sự thống nhất về lôgic pháp lý và sự chặt chẽ về kỹ thuật lập pháp trong luật hình sự. Từ đó, có những hướng dẫn cụ thể, chính xác để các cơ quan áp dụng pháp luật có thể áp dụng thống nhất, hiệu quả hơn. Trong đó một số vướng mắc thường gặp cần được tháo gỡ tập trung chủ yếu vào việc xác định chính xác tội danh, các dấu hiệu định khung của tội phạm, về khái niệm các dấu hiệu định khung được quy định trong điều luật cũng như sự phân hóa sâu sắc hơn về TNHS đối với những hành vi thỏa mãn những dấu hiệu định khung khác nhau...

Vì vậy, để góp phần hoàn thiện quy định của BLHS về tội trộm cắp tài sản chúng tôi xin có một số kiến nghị sau:

*Thứ nhất*, cần quy định khái niệm tội trộm cắp tài sản và tên điều luật

Trong số các tội có tính chất chiếm đoạt từ Điều 133 đến Điều 140 BLHS thì TTCTS là 01 trong 03 tội Đó là các tội cướp giạt tài sản (Điều 136), TTCTS (Điều 138) và công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 137) chưa được nêu khái niệm (mô tả hành vi) trong Điều luật. Đây cũng là nguyên nhân có nhiều ý kiến khác nhau khi đánh giá hành vi chiếm đoạt trong thực tiễn liên quan đến 03 tội này và có sự nhầm lẫn giữa tội trộm cắp tài sản với một số tội có tính chất chiếm đoạt khác. Cho nên, nhu cầu là phải nêu khái niệm của tội trộm cắp tài sản trong Điều 138 BLHS là cần thiết. Nghiên cứu khái niệm của các tội khác mà BLHS quy định, chúng tôi thấy rằng, khái niệm của một tội cần phải nêu được những đặc trưng của tội đó mà từ đó có thể phân biệt tội đó với các tội khác có những dấu hiệu tương tự nhau. Các dấu hiệu đó có thể là hành vi, thủ đoạn thuộc mặt khách quan của tội phạm; chủ thể đặc biệt của tội phạm; lỗi, mục đích, động cơ phạm tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm hoặc khách thể, đối tượng tác động của tội phạm. Theo quan điểm thống nhất trong thực tiễn hiện nay thì việc phân biệt tội trộm cắp tài sản với các tội khác (chủ yếu là các tội có tính chất chiếm đoạt) là dựa vào hành vi và thủ đoạn thuộc mặt khách quan của tội phạm. Đó là tính lén lút và hành vi chiếm đoạt.

Tuy nhiên, thực tiễn có nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm của tội trộm cắp tài sản nhưng đa phần các ý kiến đều dựa vào hành vi thuộc mặt chủ quan của tội phạm để định nghĩa và đều thống nhất nhau về hành vi chiếm đoạt, đặc điểm của tài sản bị chiếm đoạt là “có chủ”. Tuy nhiên, đối với tính lén lút thì có 02 quan điểm khác nhau cơ bản sau: (1) Quan điểm thứ nhất cho rằng, tính lén lút là thủ đoạn phạm tội. Đó là các định nghĩa: Trộm cắp tài sản là hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác một cách lén lút” [3, tr.199], hoặc là “trộm cắp tài sản là hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác một cách lén lút” [12, tr.347]; Quan điểm thứ hai cho rằng, tính lén lút là thuộc tính của hành vi chiếm đoạt. Đó là các định nghĩa: Trộm cắp tài sản là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản đang có chủ [31, tr.22], trộm cắp tài sản là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của

người khác [28, tr.196], hoặc là trộm cắp là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật [4, tr.221].

Ngoài ra, còn có ý kiến cho rằng, “trộm cắp là dùng thủ đoạn lén lút nhằm chiếm đoạt tài sản đang do người khác quản lý” [44, tr.20]. Tuy nhiên, quan điểm này chưa phù hợp bởi vì, mặc dù, có nêu đúng thủ đoạn của người phạm tội khi thực hiện hành vi nhưng chưa nêu được bản chất của tội trộm cắp tài sản là hành vi chiếm đoạt mà chỉ cho rằng việc chiếm đoạt tài sản là mục đích của thủ đoạn lén lút.

Theo Từ điển tiếng Việt, “trộm cắp” là “trộm và lấy cắp của cải nói chung”; trong đó, “trộm” là “lấy của người khác một cách lén lút, nhân lúc không ai để ý” và “cắp” là “lấy của người khác một cách lén lút, vụng trộm” [45, tr.85, 782, 783].

Như vậy, việc sử dụng tính lén lút là tính chất của hành vi chiếm đoạt hay là thủ đoạn thực hiện hành vi chiếm đoạt đều không sai. Tuy nhiên, việc sử dụng tính lén lút là thủ đoạn thực hiện hành vi chiếm đoạt sẽ chuẩn sát hơn và tách bạch được hành vi phạm tội với thủ đoạn phạm tội. Bên cạnh đó, hai từ “trộm” và “cắp” đều có nghĩa là lấy tài sản của người khác một cách lén lút cho nên việc tên điều luật và nội dung của Điều 138 BLHS dùng cả 02 từ “trộm” và “cắp” là trùng lặp, không cần thiết. Ngoài ra, việc dùng thuật ngữ “trộm” hoặc “cắp” tại Điều 138 BLHS cũng không gây nhầm lẫn với bất kỳ tội nào khác mà BLHS quy định. Tuy nhiên dùng thật ngữ trộm sẽ thông dụng hơn.

Từ các phân tích trên, có quan điểm cần kiến nghị sửa đổi thuật ngữ “trộm cắp” trong tên và nội dung điều luật thành “trộm” và bổ sung vào Điều 138 BLHS khái niệm của tội phạm như sau:

“Điều 1... Tội trộm tài sản

Người nào chiếm đoạt tài sản của người khác một cách lén lút có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng ...”.

*Thứ hai, cần luật hóa các trường hợp tại mục 5 Phần II Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BCA - BTP*

Mục 5 Phần II Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP hướng dẫn trường hợp một người thực hiện nhiều lần hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, nhưng mỗi lần giá trị tài sản bị xâm phạm dưới mức 2 triệu đồng và không thuộc một trong các trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng; đã bị xử phạt hành chính; đã bị kết án nhưng chưa được xoá án tích...; đồng thời, các hành vi đó chưa có lần nào bị xử phạt hành chính và chưa hết thời hiệu xử phạt hành chính, nếu tổng giá trị tài sản của các lần bị xâm phạm bằng hoặc trên mức 2 triệu đồng, thì người thực hiện nhiều lần hành vi chiếm đoạt phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản theo tổng giá trị tài sản của các lần bị xâm phạm, nếu: a) Các hành vi xâm phạm sở hữu được thực hiện một cách liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian; b) Việc thực hiện các hành vi xâm phạm sở hữu có tính chất chuyên nghiệp, lấy tài sản do việc xâm phạm sở hữu mà có làm nguồn sống chính; c) Với mục đích xâm phạm sở hữu, nhưng do điều kiện hoàn cảnh khách quan nên việc xâm phạm sở hữu phải được thực hiện nhiều lần cho nên giá trị tài sản bị xâm phạm mỗi lần dưới 2 triệu đồng.

Có quan điểm cho rằng, mục 5 Phần II Thông tư liên tịch số 02 quy định 03 trường hợp trên làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội rõ ràng là nói rộng phạm vi truy cứu trách nhiệm hình sự người có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản người khác. Đối với trường hợp c) đã xác định hành vi chiếm đoạt trong tội trộm cắp tài sản là tội kéo dài không đúng với sự xác định của khoa học luật hình sự. Bởi vì, tội kéo dài được hiểu là tội phạm mà hành vi khách quan có khả năng diễn ra không gián đoạn trong khoảng thời gian dài [27, tr.101] và việc xác định này dựa vào từng tội do Bộ luật Hình sự quy định chứ không phải được nói rộng vì nhu cầu phòng chống tội phạm cụ thể. Đối với trường hợp a), nếu tách từng lần lén lút chiếm đoạt của người phạm tội thì người phạm thực hiện

nhiều lần hành vi chiếm đoạt và trong trường hợp các lần này đều dưới mức 2 triệu đồng thì không có dấu hiệu nào của BLHS quy định họ phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Đối với trường hợp b), việc sử dụng dấu hiệu nhân thân (có tính chất chuyên nghiệp) để làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự rõ ràng cũng không được quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS.

Trong khi đó, theo Điều 2 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008 thì Thông tư liên tịch số 02 có hiệu lực thấp hơn so với BLHS do Quốc hội ban hành. Trong khi đó, một trong những dấu hiệu quan trọng để xác định một hành vi có phải là tội phạm hay không là hành vi đó phải được BLHS quy định. Các hành vi bên trên rõ ràng không được quy định trong BLHS. Như vậy, hướng dẫn tại tiểu mục 1.1 mục 1 Phần I và các điểm a, b mục 5 Phần II Thông tư liên tịch số 02 là trái, vượt quá phạm vi quy định của BLHS.

Có quan điểm cho rằng, với tình hình phạm tội trộm cắp tài sản như hiện nay, việc quy định các căn cứ tại tiểu mục 1.1 mục 1 Phần I và các điểm a, b, c mục 5 Phần II Thông tư liên tịch số 02 để truy cứu trách nhiệm hình sự người có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản dưới mức định lượng khởi điểm mà khoản 1 Điều 138 BLHS là phù hợp. Tuy nhiên, theo quy định của BLHS về cơ sở của trách nhiệm hình sự thì “Chỉ người nào phạm một tội đã được BLHS quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự”. Vì vậy, muốn phòng chống tội trộm cắp tài sản có hiệu quả mà không trái nguyên tắc cơ bản của BLHS, chúng tôi cho rằng cần bổ sung các căn cứ tại tiểu mục 1.1 mục 1 Phần I và các điểm a, b, c mục 5 Phần II Thông tư liên tịch số 02 làm căn cứ định tội.

*Thứ ba*, tình tiết phạm tội nhiều lần không được quy định trực tiếp trong Điều 138 BLHS năm 1999 với tính chất là tình tiết định khung tăng nặng mà chỉ được xem xét với tính chất là tình tiết tăng nặng TNHS nếu hành vi trộm cắp tài sản thỏa mãn các dấu hiệu quy định tại Điều 48 BLHS năm 1999, vì vậy trường hợp bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản nhiều lần nhưng không thể áp dụng tình tiết này tương ứng với dấu hiệu khung tăng nặng hình phạt để quyết định hình phạt.



Phạm tội nhiều lần thể hiện sự nguy hiểm của người phạm tội cho xã hội, phạm tội nhiều lần để lại hậu quả lớn hơn cho xã hội so với những trường hợp thông thường, thể hiện sự thiếu hiệu quả trong việc giáo dục, cải tạo người phạm tội. Việc đưa tình tiết này trở thành một dấu hiệu định khung là cần thiết nhằm đáp ứng đầy đủ hơn hiệu quả của sự phân hóa TNHS, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Việc dấu hiệu "phạm tội nhiều lần" được quy định trong rất nhiều điều luật đã thể hiện sự quan trọng và cần thiết phải có quy định này.

Phạm tội nhiều lần là phạm từ hai tội trở lên mà những tội ấy được quy định tại cùng một điều luật (hoặc tại cùng một khoản của điều luật) tương ứng trong phần các tội phạm trong BLHS, đồng thời đối với những tội ấy vẫn còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và người phạm tội vẫn chưa bị xét xử [7, tr.390].

Thực tiễn công tác xét xử trong thời gian qua cho thấy, trong trường hợp phạm tội nhiều lần các quan hệ xã hội bị xâm hại thường rất đa dạng, với những người phạm tội nhiều lần thể hiện thái độ coi thường pháp luật, phương pháp, thủ đoạn phạm tội được lặp đi lặp lại nhiều lần với tính chất, mức độ nguy hiểm ngày càng cao. Từ đó dẫn tới mức độ gây ra hoặc đe dọa cho các quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ cũng ngày càng cao, gây mất an ninh trật tự, ảnh hưởng xấu tới tâm lý của người dân và sự nghiêm minh của pháp luật. Trong trường hợp trộm cắp tài sản nhiều lần, người phạm tội đã ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự, gây thiệt hại đến tài sản của người khác nhưng không chịu dừng lại và cố tình thực hiện hành vi nhiều lần nữa, điều đó thể hiện thái độ của người phạm tội đối với hành vi và hậu quả do mình thực hiện, thể hiện khả năng giáo dục và cải tạo của người phạm tội là không cao nên đòi hỏi phải có hình phạt thích đáng, đủ sức răn đe đối với bản thân người phạm tội đồng thời có tác dụng phòng ngừa chung.

Từ những phân tích trên, theo chúng tội phạm tội nhiều lần (hoặc phạm tội từ hai lần trở nên) nên được quy định thành dấu hiệu định khung của tội trộm cắp tài sản để góp phần làm tăng thêm tính nghiêm minh của pháp luật, phân hóa TNHS sâu sắc hơn, giáo dục người phạm tội qua đó thể hiện được tính hiệu quả của công tác phòng ngừa chung trong xã hội.

### **3.2. Tăng cường hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản**

BLHS là công cụ sắc bén và hữu hiệu của Nhà nước ta trong việc quản lý xã hội, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, đáp ứng những yêu cầu mới của đất nước. Đồng thời đánh dấu một bước quan trọng trong việc bổ sung, hoàn thiện pháp luật hình sự nước ta. Từ khi có BLHS công tác áp dụng pháp luật hình sự nói chung và quy định của pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản nói riêng đã được cụ thể hóa đi vào thực tiễn với hiệu quả cao. Tuy nhiên để hoàn thiện về mặt nội dung quy định của pháp luật cũng như công tác áp dụng vào thực tiễn đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này đòi hỏi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần tiếp tục rà soát các văn bản cũng như tăng cường công tác hướng dẫn áp dụng đối với các cơ quan tiến hành tố tụng để việc áp dụng các quy định pháp luật hình sự nêu trên đạt hiệu quả cao nhất. Cần tăng cường công tác nghiên cứu hoạt động áp dụng pháp luật trong lĩnh vực pháp luật hình sự nói chung và quy định của pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản nói riêng nhằm phân tích bản chất của hoạt động phạm tội cũng những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình áp dụng trên thực tế. Từ những đánh giá, nhận xét về thực tế áp dụng pháp luật đó, sẽ đưa ra những đề xuất nhằm cải thiện hoạt động áp dụng pháp luật được hiệu quả hơn. Áp dụng pháp luật là hoạt động mang tính tổ chức, thể hiện quyền lực nhà nước, được thực hiện thông qua những cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhà chức trách hoặc các tổ chức xã hội khi được Nhà nước trao quyền, nhằm cá biệt hóa những quy phạm pháp luật vào các trường hợp cụ thể đối với các cá nhân, tổ chức cụ thể,

do đó việc có những quy định cụ thể để đưa vào thực tiễn thông qua hoạt động áp dụng pháp luật là điều vô cùng cần thiết.

Hiện nay, hệ thống văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự nói chung, áp dụng trong giải quyết các vụ án trộm cắp tài sản ở nước ta nói riêng vẫn còn những tồn tại để đáp ứng nhu cầu thực tiễn luôn biến động của loại tội phạm này, tính khả thi của pháp luật còn thấp... Việc khắc phục những tồn tại này còn khá chậm chạp, đặc biệt trong bối cảnh BHLS năm 2015 vừa mới được thông qua. Thực trạng trên đòi hỏi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải tăng cường các văn bản hướng dẫn áp dụng đối với tội trộm cắp tài sản cả về số lượng và chất lượng, quy định cụ thể, chi tiết, thống nhất, khoa học, chặt chẽ và logic để đáp ứng tốt yêu cầu đặt ra. Trong đó cần chú trọng tăng cường giải thích các vấn đề sau đây:

*Thứ nhất*, cần có tổng kết và hướng dẫn áp dụng hình phạt tiền đối với tội trộm cắp tài sản và tội xâm phạm sở hữu khác.

Điều 138 BLHS 1999 quy định hình phạt tiền với tính chất là hình phạt bổ sung bên cạnh các hình phạt khác. Như vậy, quy định cụ thể này đã tạo khả năng pháp lý cho các Tòa án áp dụng hình phạt tiền đối với người phạm tội trộm cắp tài sản với tính chất là một hình phạt bổ sung đi kèm với các hình phạt chính khác như cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn và tù chung thân. Tuy nhiên, kết quả khảo sát các bản án của Tòa án nhân dân quận Đống Đa xét xử về tội trộm cắp tài sản thì không có trường hợp nào người phạm tội bị tòa tuyên phạt tiền. Đây là một bất cập cần khắc phục vì: với tính chất là hình phạt bổ sung, hình phạt tiền sẽ tăng khả năng trừng trị và giáo dục đối với người phạm tội trộm cắp tài sản, bởi người phạm tội trộm cắp tài sản khi thực hiện hành vi phạm tội đã thể hiện thái độ coi thường tài sản của người khác. Trong luật hình sự phong kiến Việt Nam trước đây, hình phạt tiền được áp dụng đối với người phạm tội trộm cắp tài sản căn cứ vào giá trị tài sản bị chiếm đoạt và hình phạt tiền được coi là hình phạt chính đối với người phạm tội xâm phạm sở hữu và quy định đó

đã phát huy tác dụng tích cực trong việc hạn chế tội trộm cắp tài sản ở giai đoạn đó. Để thống nhất trong nhận thức và hành động cần có tổng kết và hướng dẫn của cơ quan tư pháp về áp dụng hình phạt tiền đối với người phạm tội trộm cắp tài sản và các tội xâm phạm sở hữu khác.

*Thứ hai*, cần giải thích rõ tình tiết “hành hung để tẩu thoát” và chuyển hóa từ tội trộm cắp tài sản sang tội cướp tài sản.

Quy định này nhằm xử lý hành vi của người phạm tội cố ý giữ tài sản chiếm đoạt mặc dù đã bị phát hiện và giữ lại tài sản. Tuy nhiên, như đã phân tích tại Chương 2, việc áp dụng quy định này có một số vướng mắc. Trên thực tế nếu chỉ áp dụng các quy định tại mục 6 Phần I Thông tư liên tịch số 02 khi thời gian từ khi chiếm đoạt được đến khi bị phát hiện, bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ hoặc bị giành lại không được kéo dài, bởi vì khi đó, tội phạm đã hoàn thành và hành vi chống trả của người phạm tội đối với việc bị phát hiện, bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ hoặc bị giành lại không còn ý nghĩa. Do đó, văn bản này cần sửa đổi theo hướng: thay cụm từ “đã chiếm đoạt được tài sản” bằng cụm từ “ngay sau khi chiếm đoạt tài sản” hoặc là bỏ hẳn cụm từ “đã chiếm đoạt được tài sản” để tránh gây khó khăn trong việc áp dụng.

Hơn nữa, quy định tại tiểu mục 6.2 mục 6 Phần I Thông tư liên tịch số 02 gây khó hiểu bởi vì sau khi chiếm đoạt được tài sản thì người phạm tội bị giành lại tài sản thì trong trường hợp này người phạm tội dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc nhằm “giữ cho được tài sản chiếm đoạt được và tẩu thoát” chứ không phải “chiếm đoạt cho được tài sản” vì hành vi chiếm đoạt đã thực hiện xong. Việc sử dụng thuật ngữ “tiếp tục” dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc cũng chưa phù hợp bởi vì trong tội trộm cắp tài sản thì người phạm tội không có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc nên việc người phạm tội bị 12

Ngoài ra, quy định của tiểu mục 6.1 và tiểu mục 6.2 mục 6 Phần I Thông tư liên tịch số 02 gây khó khăn cho việc vận dụng. Việc chia mục 6 thành tiểu mục

6.1 và tiêu mục 6.2 thực chất là để phân biệt trường hợp người phạm tội vì sợ bị bắt giữ nên “bỏ của chạy lấy người” với trường hợp người phạm tội ngoan cố, cố tình chống trả nhằm giữ cho được tài sản mà mình chiếm đoạt được. Thực tiễn chỉ ra rằng, cả trường hợp tẩu thoát và cố giữ tài sản để tẩu thoát thì người phạm tội có thể dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc. Cho nên, việc quy định có những hành vi chống trả ... như đánh, chém, bắn, xô ngã... (tiêu mục 6.1) và dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc (tiêu mục 6.2) thực chất đều là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực.

Từ các phân tích trên để khắc phục các vướng mắc đó, kiến nghị sửa đổi, bổ sung mục 6 Phần I Thông tư liên tịch số 02 như sau:

“6.1. Phạm tội thuộc trường hợp “hành hung để tẩu thoát” là trường hợp mà người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc ngay sau khi chiếm đoạt được tài sản, nhưng bị phát hiện và bị bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ thì đã có những hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc chống trả lại người bắt giữ hoặc người bao vây nhằm tẩu thoát.

6.2. Nếu người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc ngay sau khi chiếm đoạt được tài sản, nhưng đã bị người bị hại hoặc người khác giành lại, mà người phạm tội có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công người bị hại hoặc người khác nhằm giữ cho được tài sản chiếm đoạt được và tẩu thoát thì trường hợp này không phải là “hành hung để tẩu thoát” mà đã có đầy đủ các dấu hiệu cấu thành tội cướp tài sản”. Hoặc bỏ hẳn cụm từ “hoặc ngay sau khi chiếm đoạt được tài sản” trong 02 tiêu mục này.

### **3.3. Tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản**

Trong thời gian tới, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần hoàn thiện pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản; ban hành, sửa đổi, bổ sung, giải thích và hướng dẫn áp dụng pháp luật kịp thời. Tiếp tục đổi mới hoạt động để nâng cao

chất lượng công tác xây dựng pháp luật tạo ra hệ thống pháp luật đồng bộ, mang tính khả thi cao, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện. Đây là yêu cầu quan trọng làm cơ sở cho việc

bảo đảm áp dụng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản.

Thêm nữa, công tác giải thích và hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật là vấn đề rất quan trọng và cần thiết. Đây cũng là công việc khó khăn và phức tạp, đòi hỏi nâng cao năng lực và trí tuệ ngang tầm với thực tiễn của đời sống kinh tế - xã hội luôn biến động và phong phú. Do đó các cơ quan tư pháp trung ương cần có hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật thông qua khảo sát, nghiên cứu tổng kết thực tiễn, đổi mới tư duy nâng cao chất lượng của các văn bản giải thích, hướng dẫn góp phần bảo đảm sự thống nhất của pháp luật và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Điều này đòi hỏi cần chú trọng công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, ý thức trách nhiệm và kỷ luật công vụ cho cán bộ, công chức; tăng cường công tác kiểm tra; phát động các phong trào thi đua gắn với việc hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn.

Tổng kết kinh nghiệm trong giải quyết án hình sự thực chất là tổng kết việc áp dụng pháp luật trong hệ thống cơ quan tư pháp theo những chủ đề nhất định và trong một thời gian nhất định như nêu các bản án, quyết định đúng đắn, chính xác, có tính mẫu mực để toàn ngành học tập và những bản án, quyết định đã ban hành chưa chính xác, chưa thoả đáng, còn có những sai lầm trong xem xét, đánh giá chứng cứ, trong việc chọn quy phạm pháp luật để rút kinh nghiệm. Trên cơ sở đó đưa ra những đánh giá thực chất về sự chính xác, phù hợp thực tiễn của các quy phạm pháp luật sau khi được Nhà nước ban hành: những quy phạm pháp luật nào phát huy tác dụng tốt; những quy phạm pháp luật nào còn mang tính chung chung, trừu tượng khó thực hiện; những quy phạm pháp luật nào quy định quá cụ thể, cứng nhắc không đáp ứng được yêu cầu của cuộc sống xã hội. Từ đó, cần có những đề nghị xem xét, sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ, giải thích,

hướng dẫn những quy phạm pháp luật nhằm không ngừng nâng cao tính khả thi của các văn bản pháp luật trong việc áp dụng quy định về tội trộm cắp tài sản.

### **3.4. Nâng cao năng lực của các chủ thể áp dụng pháp luật về tội trộm cắp tài sản**

Đảm bảo chất lượng của các hoạt động tư pháp là một yêu cầu hết sức quan trọng trong công tác giải quyết, xét xử các loại vụ án. Trong thời gian qua, các cơ quan tư pháp đã có nhiều cố gắng để chất lượng giải quyết công việc ngày càng nâng lên nhưng vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu. Vẫn còn trường hợp bản án, quyết định về tội trộm cắp tài sản vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hoặc áp dụng pháp luật có sai lầm nghiêm trọng do lỗi chủ quan của các cơ quan tố tụng và đã bị sửa, hủy.

Tăng cường, nâng cao năng lực cán bộ để đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế là một đòi hỏi cấp bách trong tình hình hiện nay. Cần coi trọng việc đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng tiến hành tố tụng, giải quyết các vụ án là nhiệm vụ quan trọng của toàn hệ thống các cơ quan tư pháp, quan tâm hơn nữa đến việc tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực về nghiệp vụ, trình độ chính trị cho các cán bộ của các cơ quan tư pháp.

Do số lượng các vụ án trộm cắp tài sản phải thụ lý và giải quyết ngày càng tăng và dự báo thời gian tới nước ta hội nhập ngày càng sâu, rộng vào các mối quan hệ quốc tế, kinh tế xã hội ngày càng phát triển thì số lượng án thụ lý càng tăng nhanh. Vì vậy đòi hỏi các cơ quan tư pháp cần rà soát, đánh giá dự báo đúng tình hình để xây dựng đề án, chính sách cụ thể để thu hút, tuyển dụng cán bộ cho các đơn vị.

Nhìn tổng thể, số lượng và chất lượng đội ngũ công chức ngành tư pháp ở nước ta chưa thực sự ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ. Đội ngũ cán bộ cơ quan tư pháp vẫn còn ít nhiều có tình trạng chuyên môn, nghiệp vụ còn những hạn chế nhất định trong khi nguồn tuyển dụng lại thiếu đa dạng, chính sách cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu thu hút được người tài. Nhiệm vụ cấp bách đặt ra là nhằm

nâng cao nhận thức và trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng ngang tầm với sự phát triển của xã hội và yêu cầu của cải cách tư pháp. Cùng với việc củng cố, tăng cường hệ thống, bộ máy của tòa án, viện kiểm sát và cơ quan điều tra, vấn đề đào tạo, nâng cao nhận thức, chất lượng và trách nhiệm của đội ngũ các chức danh những người tiến hành tố tụng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Hiện nay đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ công tác tư pháp còn thiếu về số lượng, không đồng đều về trình độ, chưa đáp ứng được yêu cầu công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.. Bên cạnh đó cần tăng cường kiểm tra để kịp thời phát hiện, ngăn ngừa những tiêu cực xảy ra trong cơ quan tư pháp, xử lý nghiêm những cán bộ sai phạm.



### **Tiểu kết Chương 3**

Với những nội dung về lý luận và thực tiễn được phân tích, đánh giá trong Chương 1 và Chương 2 là cơ sở cho việc dự báo tình hình tội phạm trộm cắp tài sản trong Chương 3. Trên cơ sở nghiên cứu về lý luận và thực trạng tội phạm trộm cắp tài sản, tác giả nhận định về tình hình tội phạm này trong thời gian tới có những diễn biến phức tạp khi mà vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình phát hiện, giải quyết vụ án trộm cắp tài sản trên địa bàn quận Đống Đa - thành phố Hà Nội, những khó khăn trong quá trình đấu tranh phòng, chống tội phạm khi ý thức pháp luật của người dân chưa được nâng cao.

Chương 3 này tác giả đưa ra một số đề xuất đảm bảo áp dụng đúng quy định của pháp luật đối với tội trộm cắp tài sản nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm này trên địa bàn quận Đống Đa - thành phố Hà Nội. Các giải pháp cụ thể là: hoàn thiện quy định của pháp luật về tội trộm cắp tài sản; tăng cường hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản; tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản; nâng cao năng lực của các chủ thể áp dụng pháp luật về tội trộm cắp tài sản. Các giải pháp trên có thể góp phần vào cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm trộm cắp tài sản, đảm bảo hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự trong quá trình định tội danh, quyết định hình phạt trong các vụ án trộm cắp tài sản, đảm bảo phán quyết của Tòa án đưa ra đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

## KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu đề tài luận văn thạc sĩ luật học "*Tội Trộm cắp tài sản theo pháp luật Hình sự Việt Nam từ thực tiễn Quận Đống Đa – Thành phố Hà Nội*" cho phép rút ra một số kết luận sau đây:

1. Bảo vệ quyền sở hữu hợp pháp của các cá nhân, tổ chức luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của Đảng, Nhà nước cũng như của toàn xã hội. Do đó đấu tranh phòng, chống các tội phạm xâm phạm sở hữu nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng là nhiệm vụ chính trị quan trọng, đòi hỏi sự nỗ lực của các cấp, các ngành và ý thức chấp hành pháp luật của mỗi công dân.

2. Việc điều tra, truy tố, xét xử các vụ án trộm cắp tài sản trên địa bàn quận Đống Đa – thành phố Hà Nội trong thời gian qua đã có nhiều tiến bộ tích cực, song bên cạnh đó vẫn còn bộc lộ những tồn tại làm giảm hiệu quả trong nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này. Bên cạnh đó một số quy định của pháp luật về tội trộm cắp tài sản còn chưa chặt chẽ, cụ thể, nhận thức và áp dụng các quy định của BLHS về tội trộm cắp tài sản còn chưa thống nhất, điều đó dẫn đến kết quả công tác xét xử chưa cao, chưa phát huy hết hiệu quả công tác giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

3. Để góp phần nâng cao nhận thức về vấn đề quy định của BLHS năm 1999 về tội trộm cắp tài sản và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự trong giải quyết các vụ án trộm cắp tài sản, đề tài đã phân tích, đánh giá thực trạng công tác xử lý tội trộm cắp tài sản trên địa bàn quận Đống Đa từ năm 2011 đến năm 2015. Qua đó chỉ ra những thiếu sót về nhận thức cũng như những tồn tại trong công tác áp dụng pháp luật hình sự trong thực tiễn.

4. Qua phân tích, kiến nghị cả về lập pháp cũng như những vấn đề cần rút kinh nghiệm trong thực tiễn giải quyết vụ án trộm cắp tài sản trên địa bàn quận Đống Đa. Theo một số quan điểm, những vấn đề nghiên cứu trên đây là rất cấp thiết và bổ ích, đã phân tích cụ thể những vấn đề còn tồn tại, vướng mắc xuất

phát từ thực tiễn, từ đó tìm ra các giải pháp hợp lý, đưa ra những kiến nghị để hoàn thiện pháp luật cũng như những biện pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của BLHS về tội trộm cắp tài sản như sau: 1) Hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản; 2) Tăng cường hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản; 3) Tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản; 4) Nâng cao năng lực của các chủ thể áp dụng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản

Các giải pháp này có ý nghĩa quan trọng nhằm mục đích phòng ngừa và đấu tranh hiệu quả hơn đối với tội phạm trộm cắp tài sản ở quận Đống Đa nói riêng và trên địa bàn cả nước nói chung, qua đó đảm bảo xử lý nghiêm minh, kịp thời và đúng pháp luật mọi hành vi phạm tội và người phạm tội, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của ngành tư pháp qua đó góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Anh (2002), *Bàn về định lượng tài sản trong BLHS 1999*, TAND (7), Hà Nội.
2. Nguyễn Mai Bộ (2010), *Các tội xâm phạm sở hữu trong BLHS năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Phạm Văn Beo (2010), *Luật Hình sự Việt Nam (quyển 2 - Phần các tội phạm)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Bộ Tư Pháp (1957), *Tập luật lệ về tư pháp*, Hà Nội.
5. Bộ Tư Pháp (1998), *Số chuyên đề về luật hình sự của một số nước trên thế giới*, Dân chủ và pháp luật, Hà Nội
6. Lê Cẩm (2001), *Giáo trình luật hình sự (Phần chung)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
7. Lê Văn Cẩm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự phần chung*, (Sách chuyên khảo sau Đại học), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
9. Dương Hồng Điệp (2003), *Bị cáo không phải bồi thường nhưng đã tự nguyện bồi thường thì được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điều 46 BLHS*, TAND (3), Hà Nội.
10. Nguyễn Trung Hiếu, *Tội phạm trên địa bàn quận Đống Đa, TP. Hà nội: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*, HVKHXH, HN, 2015,
11. Học viện Tư pháp (2011), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội,
12. Nguyễn Ngọc Hòa (2000), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
13. Phạm Mạnh Hùng (1998), *Về vấn đề tạm đình chỉ điều tra và tạm đình chỉ vụ án trong trường hợp bị can, bị cáo bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo khác*, *Chuẩn bị xét xử vụ án hình sự*, Kiểm sát, Hà Nội.

14. Trần Minh Hường (2002), *Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
15. Insun Yu (1994), *Luật và xã hội Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội .
16. Hồ Trọng Ngũ (2009), *Vấn đề tội phạm có tổ chức và trách nhiệm hình sự pháp nhân trong sửa đổi Bộ luật hình sự năm 1999*, Nghiên cứu lập pháp, (3), Hà Nội.
17. Nguyễn Ngọc Nhuận - Nguyễn Tá Nhí (2001), *Luật triều hình Lê*, Nxb Pháp lý, Hà Nội
18. Lê Thị Sơn (2004), *Quốc triều hình luật, Lịch sử hình thành nội dung và giá trị*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
19. Lê Thị Sơn (2004), *Về dấu hiệu định lượng trong BLHS*, Luật học, (1) Hà Nội.
20. Nguyễn Sơn (1998), *Hình phạt tiền, điều kiện và thực tiễn áp dụng, thi hành hình phạt tiền là hình phạt chính trong luật hình sự Việt Nam*, TAND (11) , Hà Nội.
21. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (1995), *Quốc triều hình luật*, TP.HCM.
22. Nhà xuất bản tư pháp (2007), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*, Hà Nội.
23. Nhà xuất bản Lao động xã hội (2005), *Pháp luật hình sự - thực tiễn xét xử và án lệ*, Hà Nội.
24. Cao Thị Oanh (chủ biên), (2015), *Các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
25. Đinh Văn Quế (1994), *Trách nhiệm hình sự đối với hành vi xâm phạm tính mạng sức khỏe của con người*, Nxb, Công an nhân dân, Hà Nội.
26. Đinh Văn Quế, 2003, *Bình luận khoa học BLHS phần các tội phạm, tập II- Các tội xâm phạm sở hữu*, Nxb. TP.HCM, TP.HCM.

27. Nguyễn Văn Thành (chủ biên) (2001), *Hoàng Việt Luật lệ*, tập IV, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
28. TANDTC (1979), *Hệ thống hoá luật lệ về hình sự - Tập 1*, Hà Nội.
29. Phạm Văn Tinh, *Mức phạt tương thích, đại lượng chung để đánh giá và hoàn thiện pháp luật hình sự*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 9/2010.
30. Trường Đại học Luật Hà Nội, 2005, *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, tập II, NXb. CAND, Hà Nội.
31. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Bộ luật hình sự Cộng hòa liên bang Đức*, Nxb CAND, Hà Nội.
32. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Bộ luật hình sự Cộng hòa liên bang Đức*, Nxb CAND, Hà Nội.
33. Trường Đại học Luật Hà Nội (2012), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, tập 1, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
34. Trường Đại học Luật Hà Nội (2012), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, tập 2, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
35. Trường Đại học luật Hà Nội, *Bộ luật hình sự Liên Bang Nga*, Nxb CAND, Hà Nội.
36. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), *Bộ luật hình sự Thụy Điển*, Nxb CAND, Hà Nội.
37. Nguyễn Văn Trọng (2008), *Một số vấn đề cần hoàn thiện đối với tội trộm cắp tài sản*, TAND (4), Hà Nội.
38. Viện nghiên cứu khoa học pháp lý (1993), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự*, Nxb, Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam phân chung*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
40. Võ Khánh Vinh (2013), *Giáo trình sau đại học: Lí luận chung về định tội danh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

41. Võ Khánh Vinh (2011), *Giáo trình lý luận chung về định tội danh*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
42. Võ Khánh Vinh (2011), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam phần các tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
43. Võ Khánh Vinh (2008), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam phần chung*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
44. Phùng Thế Vắc – Nguyễn Văn Luyện (chủ biên) (2001), *Bình luận khoa học BLHS năm 1999*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
45. Nguyễn Như Ý, Đỗ Xuân Việt, Phan Xuân Thành, 2006, *Từ điển tiếng Việt căn bản*, Nxb. Thanh Niên, Hà Nội.
46. [www.dongda.hanoi.gov.vn](http://www.dongda.hanoi.gov.vn)